



Kỷ niệm 20 năm nối lại Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA) cho Việt Nam



Quan hệ đối tác Việt Nam - Nhật Bản từ quá khứ đến tương lai

Tăng cường sự gắn kết giữa
con người với con người, quốc gia với quốc gia,
vì hòa bình và ổn định trong khu vực



Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản

Chặng đường phát triển quan hệ đối tác Việt Nam - Nhật Bản



- Vì hoà bình và ổn định ở châu Á -

Lời mở đầu:

Năm 2013 là năm kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Nhật Bản. Vì vậy, logo của “Năm hữu nghị Việt – Nhật” (hình phía trên bên phải) đã được thiết kế và dùng làm biểu tượng trong nhiều chương trình được tổ chức nhân sự kiện này. Đặc trưng của logo là việc sử dụng màu đỏ có trong quốc kỳ của hai nước làm màu chủ đạo, cũng như gắn kết hình ảnh hoa anh đào với hoa sen là biểu tượng của Việt Nam và Nhật Bản. Năm 2013 cũng là mốc đánh dấu 20 năm Nhật Bản nối lại Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho Việt Nam sau một thời gian tạm ngừng do tình hình quốc tế trong khu vực Đông Dương.

Sau khi độc lập vào năm 1945, Việt Nam đã trải qua thời kỳ chiến tranh kéo dài 40 năm với cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Năm 1986, Việt Nam bắt đầu thực hiện đường lối Đổi mới với mục tiêu tái thiết đất nước, chuyển sang nền kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập quốc tế. Tại thời điểm năm 1990, Việt Nam còn là một trong những quốc gia nghèo nhất trên thế giới, nhưng nền kinh tế liên tục tăng trưởng đã đưa Việt Nam gia nhập nhóm các nước có thu nhập trung bình* vào năm 2009. Ngày nay, với tư cách là thành viên của khối ASEAN, Việt Nam được trông đợi sẽ đóng vai trò mới trong việc tăng cường hòa bình và ổn định của khu vực.

Tài liệu này sẽ giúp người đọc điểm lại chặng đường 20 năm phát triển quan hệ đối tác Việt Nam – Nhật Bản.

*Theo cách phân loại của WB, tại thời điểm hiện tại - năm 2012, các nước có tổng thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người trong khoảng từ 1.036 đến 4.086 USD thuộc nhóm nước có thu nhập trung bình thấp. Ảnh bìa trước: Một số ảnh do Yuki Kato và Koji Sato cung cấp Ảnh bìa sau: Ảnh phía trên bên phải do Công ty Japan Airport Consultants, Inc. cung cấp

Mục lục

- Lời mở đầu..... 1
- Lịch sử quan hệ đối tác Việt Nam - Nhật Bản 3
- Những nỗ lực trong phát triển quan hệ đối tác Việt Nam - Nhật Bản 5
- Những đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam..... 7
- Phát triển hạ tầng điện lực và sử dụng hiệu quả năng lượng..... 9
- Tăng cường mạng lưới giao thông vận tải..... 11
- Hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường năng lực cho cơ quan hành chính, tài chính..... 13
- Phát triển nền kinh tế thị trường và mở rộng thu hút đầu tư nước ngoài 14
- Cải thiện đời sống và sức khỏe của người dân 15
- Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo - thông qua phát triển nông nghiệp và địa phương 17
- Bảo vệ môi trường tự nhiên và phát triển môi trường đô thị..... 19
- Tình nguyện viên Nhật Bản - Cầu nối giữa nhân dân hai nước..... 21
- Thông điệp của đại diện các cơ quan có liên quan đến ODA Nhật Bản 22

Sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam

Tổng sản phẩm nội địa bình quân đầu người đạt mức ngàn USD

Tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân đầu người của Việt Nam chỉ có 98 USD vào năm 1990, nhưng đã đạt 1.407 USD, gấp 14 lần vào năm 2011. Việt Nam đã gia nhập nhóm các nước thu nhập trung bình vào năm 2009.

Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện đạt 97,6%

Năm 1994, tỷ lệ điện khí hóa trên toàn quốc là 14%, nhưng đến năm 1998, con số này đã tăng lên tới 61%. Vào năm 2009, 97,6% số hộ dân đã được sử dụng điện.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 58,2% xuống còn 14,2%

Năm 1993, hơn một nửa dân số (58,2%) nằm trong diện nghèo, nhưng đến năm 2010, tỷ lệ này đã giảm xuống đáng kể, chỉ còn 14,2%.

95% dân số được sử dụng nước sạch

Năm 1990, chỉ có 57% dân số được sử dụng nước sạch, nhưng đến năm 2010, tỷ lệ này đã tăng lên tới 95%.

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới)

Thành tựu của quan hệ đối tác Việt Nam – Nhật Bản

Tổng kim ngạch viện trợ của Nhật Bản lên đến hơn 2 nghìn tỷ Yên

Trong giai đoạn năm TK 1992 - 2011, tổng kim ngạch viện trợ của Nhật Bản cho Việt Nam lên đến hơn 2 nghìn tỷ Yên (tương đương khoảng 415 nghìn tỷ VNĐ, 19,7 tỷ USD). Nhật Bản là nhà tài trợ lớn nhất với số vốn chiếm 30% trong tổng vốn viện trợ mà các nhà tài trợ quốc tế dành cho Việt Nam. (* quy đổi theo tỷ giá ngày 25/11/2013)

Hỗ trợ nâng cấp 3 bệnh viện trọng điểm và sản xuất vắc xin

Chất lượng ngành y tế được nâng cao thông qua hỗ trợ nâng cấp ba bệnh viện trọng điểm ở ba miền Bắc, Trung, Nam là Bệnh viện Bạch Mai ở Hà Nội, Bệnh viện TW Huế, Bệnh viện Chợ Rẫy ở TP.HCM; xây dựng nhà máy sản xuất vắc xin sởi; đào tạo nguồn nhân lực.

Cải tạo, xây dựng tổng cộng 3.309 km đường bộ và 287 cây cầu

Tính đến nay, kể cả những công trình đang thi công, NB đã hỗ trợ VN cải tạo và xây dựng tổng cộng 3.309 km đường bộ và 287 cây cầu. Đặc biệt, NB đã hỗ trợ VN cải tạo và xây dựng 650 km quốc lộ, tương đương 70% trong hệ thống đường cao tốc quốc gia của Việt Nam.

Xây dựng các nhà máy phát điện với tổng công suất 4.500 MW

Nhật Bản đã và đang hỗ trợ cho nguồn điện có tổng công suất 4.500 MW (bằng 14% tổng công suất phát điện cả nước), gồm cả các công trình đang được thi công; xây dựng các trạm biến áp, đào tạo nguồn nhân lực cho ngành điện.

Nguồn: Số liệu về tổng kim ngạch viện trợ được trích dẫn từ nguồn dữ liệu của Ủy ban Hỗ trợ Phát triển (DAC) - Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), những dữ liệu khác là từ Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA)



Thông điệp của nguyên Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt nam

Võ Hồng Phúc

Tôi hết sức vui mừng được đón chào kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản, và kỷ niệm 20 năm Nhật Bản nối lại viện trợ ODA cho Việt Nam.

Tháng 12/1992, ngay sau khi viện trợ ODA được nối lại, tôi được bổ nhiệm là Phó chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (tiền thân của Bộ Kế hoạch và Đầu tư), và là Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư từ năm 2002 đến năm 2011.

Trong 20 năm qua, Việt Nam đã thực hiện công cuộc tái thiết đất nước và thúc

đẩy tăng trưởng kinh tế với sự hỗ trợ của nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế.

Nhật Bản không chỉ là nhà tài trợ lớn nhất cho Việt Nam, mà còn luôn tôn trọng chính sách phát triển của Việt Nam, cùng có chung nhận thức "Cần tăng trưởng kinh tế để xóa đói giảm nghèo". Chúng tôi học hỏi được nhiều từ công nghệ cao của Nhật Bản. Những cơ sở hạ tầng được xây dựng với sự hỗ trợ của Nhật Bản đã mang lại nhiều lợi ích cho Việt Nam, tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển.

Tôi mong rằng trong tương lai quan





hệ đối tác Việt - Nhật sẽ tiếp tục được phát triển mạnh mẽ, góp phần vào sự ổn định và phát triển của hai nước cũng như của châu Á.

Lịch sử



Lịch sử quan hệ đối tác Việt Nam – Nhật Bản

| | Cho đến những năm 1970 | Những năm 1980 | Những năm 1990 |
|----------|------------------------|---|--|
| Việt Nam | Tình hình phát triển | Thực hiện chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập quốc tế theo đường lối Đổi mới | Tái thiết đất nước, xúc tiến đầu tư nước ngoài, và tăng thu nhập gấp đôi |
| | Sự kiện | 1973 : Ký kết hiệp định Paris 1975 : Chiến tranh kết thúc 1976 : Thống nhất đất nước, thành lập nước CHXHCN Việt Nam 1979 : Chiến tranh biên giới Tây Nam và phía Bắc 1979 : Các nước phương Tây tạm ngừng viện trợ | 1986 : Thực thi chính sách Đổi mới |
| Nhật Bản | Quan hệ Việt - Nhật | Một số lần tiến hành cứu trợ thiên tai khẩn cấp (bão) Nửa cuối những năm 1980 : Thực hiện đường lối ngoại giao vì hòa bình của khu vực Đông Dương | 1992 : Nối lại viện trợ ODA 1994 : Thủ tướng Murayama, thủ tướng đầu tiên của Nhật Bản thăm chính thức Việt Nam 1995 : Chính phủ Nhật Bản chủ trì "Diễn đàn phát triển toàn diện cho Đông Dương" |
| | ODA cho Việt Nam | Hợp tác kỹ thuật (HTKT) và Viện trợ không hoàn lại (VTKH) 1959-1964 : Dự án XD Nhà máy thủy điện Đa Nhim 1963-1973 : Dự án Thủy lợi Phan Rang 1966-1974 : Dự án VTKH và HTKT cho Bệnh viện Chợ Rẫy 1969-1975 : Dự án VTKH và HTKT cho Khoa Nông nghiệp ĐH Cần Thơ 1973, 74, 78 : Vốn vay hàng hoá  Thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Nhật Bản (Ảnh do nguyên Đại sứ Nhật Bản tại Campuchia Yukio Imagawa cung cấp *) | Tạm ngừng viện trợ ODA  Bệnh viện Chợ Rẫy vào những năm 1970 |
| Thế giới | Sự kiện | 1981 : Mỹ và Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao 1989 : Sự kiện Thiên An Môn, Trung Quốc 1989 : Dân chủ hóa ở các nước Đông Âu, Chiến tranh Lạnh kết thúc | 1991: Liên Xô tan rã 1997 : Khủng hoảng tiền tệ Châu Á |

*Ảnh chụp khi ông đang là Bí thư thứ hai ĐSQ Nhật Bản tại Pháp. Sau đó, ông tiếp tục đảm nhiệm nhiều chức vụ như Đại biện lâm thời ĐSQ Nhật Bản đầu tiên tại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Sau khi Việt Nam và Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1973, chính phủ Nhật Bản thực thi chính sách đối ngoại theo học thuyết Fukuda, chủ trương Nhật Bản đóng vai trò cầu nối, tích cực góp phần duy trì hòa bình và ổn định ở khu vực Đông Nam Á, và tin rằng Việt Nam sẽ đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp này.

Tháng 11/1992, Nhật Bản nối lại viện trợ ODA cho Việt Nam, và trong suốt 20 năm sau đó, Nhật Bản không ngừng

viện trợ đáp ứng nhu cầu tái thiết và phát triển của Việt Nam.

Vào những năm 1990, để phục vụ cho việc tái thiết Việt Nam, Nhật Bản đã tập trung hỗ trợ phát triển các CSHT có quy mô lớn như đường xá, nhà máy điện, v.v...; bên cạnh đó, Nhật Bản cũng hỗ trợ Việt Nam thực thi chính sách Đổi mới trên phương diện phần mềm như Nghiên cứu về đường lối chuyển đổi sang nền kinh tế theo định hướng thị trường, hoàn thiện hệ thống pháp luật, v.v...

| | Những năm 2000 | Từ những năm 2010 |
|--|--|--|
| | <p>Triển khai Công nghiệp hóa, phấn đấu thoát khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp, và gia nhập nhóm các nước có thu nhập trung bình</p> | <p>Tăng trưởng bền vững và khắc phục yếu kém để phấn đấu trở thành nước công nghiệp</p> |
| | <p>2001 : Xây dựng Chiến lược toàn diện về Tăng trưởng và Xóa đói giảm nghèo (CPRGS) 2005 : Thông qua Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi 2005 : Thông qua Luật Phòng, chống tham nhũng 2006 : Gia nhập WTO 2007 : Được bầu là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc</p> | |
| | <p>2003 : Ký kết Hiệp định Đầu tư Việt - Nhật 2003 : Khởi động "Sáng kiến chung Việt - Nhật" 2007 : Chủ tịch Nguyễn Minh Triết, nguyên thủ Nhà nước, đầu tiên của Việt Nam thăm chính thức Nhật Bản 2008 : Ký kết Hiệp định đối tác kinh tế Việt - Nhật</p> | <p>2011 : Nhận hỗ trợ của Việt Nam sau thảm họa động đất sóng thần tại miền Đông Nhật Bản 2011 : Ký kết Hiệp định về hợp tác phát triển và sử dụng hạt nhân vì mục đích hòa bình giữa Nhật Bản và Việt Nam 2013 : Thủ tướng Abe thăm chính thức Việt Nam</p> |
| | <p>Tiếp tục đẩy mạnh CNH, tăng cường khả năng cạnh tranh quốc tế, khắc phục yếu kém, xây dựng xã hội công bằng</p> <p>1998-2005 : Dự án XD cầu Thanh Trì 1999-2012 : Dự án XD Đại lộ Đông-Tây Sài Gòn 2000-2010 : Dự án XD cầu Cần Thơ 2001 đến nay : Triển khai chương trình Cử Tình nguyện viên cao cấp (SV) 2001-2004 : Quy hoạch tổng thể và nghiên cứu khả thi về GTVT đô thị khu vực TP.HCM 2002-2013 : Dự án phát triển CSHT quy mô nhỏ cho người nghèo 2003-2006 : Dự án XD Nhà máy sản xuất vắc xin sởi 2004-2006 : Chương trình Phát triển Đô thị Tổng thể thủ đô Hà Nội 2004-2007 : Dự án Đào tạo cán bộ thuế đáp ứng công cuộc hiện đại hóa hệ thống quản lý hành chính Thuế 2004-2012 : Dự án XD đường tránh QL số 1 2005-2009 : Dự án Chuyển giao công nghệ sản xuất vắc xin sởi 2007-2011 : Dự án Tăng cường năng lực thực thi Luật Cạnh tranh 2007-2011 : Dự án XD đường vành đai 3 TP. Hà Nội 2007-2015 : Cải cách hệ thống pháp luật và tư pháp 2007 đến nay : XD tuyến đường sắt nội đô TP.HCM 2008-2009 : Nghiên cứu Chiến lược phát triển liên kết TP.Đà Nẵng và vùng phụ cận</p> | <p>Tiếp tục đẩy mạnh CNH, tăng cường khả năng cạnh tranh quốc tế, khắc phục yếu kém, xây dựng xã hội công bằng</p> <p>2009-2012 : Dự án Bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long 2009-2012 : Dự án Phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật trường ĐH Công nghiệp 2010-2011 : Dự án Tăng cường năng lực của Ngân hàng Nhà nước Hà Nội 2010-2013 : Dự án Đào tạo nâng cao năng lực của Quốc hội 2010-2015 : Dự án Nâng cao năng lực đảm bảo an toàn sinh học và xét nghiệm tác nhân gây bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho mạng lưới phòng xét nghiệm 2011 đến nay : Dự án XD đường cao tốc Bắc - Nam 2012-2014 : Dự án Nâng cao năng lực của Văn phòng Chính phủ 2013-2016 : Nâng cao năng lực Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh về đào tạo cán bộ lãnh đạo và công chức</p> |
| | <p>2000 : Thông qua Tuyên bố Thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc và các Mục tiêu (MDGs) 2001 : Vụ khủng bố liên hoàn 11/9 tại Mỹ 2003 : Chiến tranh Irắc nổ ra 2004 : Bùng phát dịch cúm gia cầm ở nhiều nước trên thế giới. 2008 : Ngân hàng đầu tư Lehman Brothers phá sản</p> | <p>Hình ảnh công trình đường sắt nội đô số 1 TP.HCM sau khi hoàn thành xây dựng (Nguồn: NJPT)</p> |

*Các dự án được thực hiện theo năm tài khóa của Nhật Bản

Mặc dù xảy ra cuộc khủng hoảng tiền tệ châu Á vào cuối những năm 90, nhưng nền kinh tế Việt Nam không những không có dấu hiệu suy thoái trầm trọng, mà thậm chí đến năm 2009, Việt Nam còn đạt mục tiêu gia nhập nhóm các nước có thu nhập trung bình. Dự kiến chậm nhất là năm 2015, Việt Nam sẽ hoàn thành các chỉ tiêu về tỷ lệ nghèo, tỷ lệ phổ cập giáo dục tiểu học, tỷ lệ tử vong trẻ em, v.v...trong Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs).

Đáp ứng nhu cầu phát triển của Việt Nam, từ năm 2000 đến nay, Nhật Bản đã triển khai hỗ trợ Việt Nam xây dựng và cải thiện cơ cấu tổ chức, phát triển CSHT và đào tạo nguồn nhân lực, phục vụ sự tăng trưởng bền vững của nền kinh tế.

Trong tương lai, hai nước cần tiếp tục tăng cường hơn nữa quan hệ đối tác và đóng góp tích cực cho sự ổn định và phát triển của khu vực Đông Nam Á.

Đặc điểm



Những nỗ lực trong phát triển quan hệ đối tác Việt Nam – Nhật Bản

(1) Nhật Bản hỗ trợ Việt Nam theo ba trụ cột kinh tế: Thương mại – Đầu tư – ODA

Đối với Nhật Bản, Việt Nam có một vị trí quan trọng cả về vị trí địa lý lẫn ngoại giao, và là nước có dân số đông thứ ba trong khu vực Đông Nam Á. Vì vậy, hỗ trợ Việt Nam thực hiện tái thiết đất nước và tăng trưởng kinh tế là sứ mệnh quan trọng của Nhật Bản.

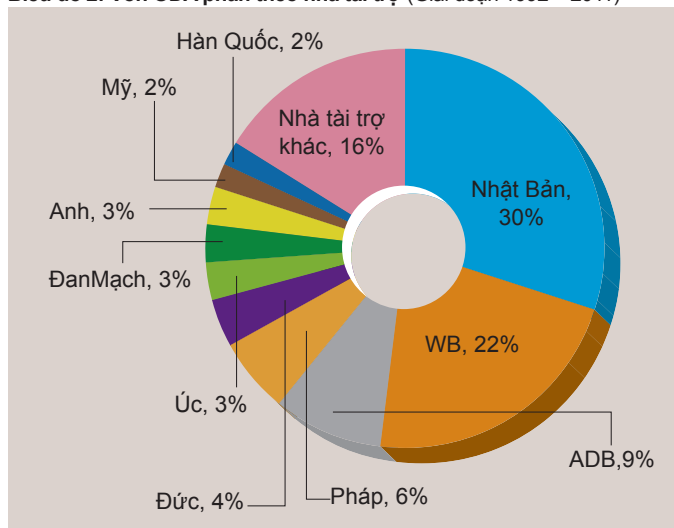
Chia sẻ với Việt Nam nhận thức: “Cần tăng trưởng kinh tế để xóa đói giảm nghèo”, Nhật Bản đã vận dụng cách tiếp cận dựa trên ba trụ cột kinh tế: Thương mại – Đầu tư – ODA, để hỗ trợ Việt Nam phát triển CSHT kinh tế như đường bộ, đường sắt, nhà máy điện, cảng biển, ..., và thu hút đầu tư nước ngoài, tạo việc làm.

(2) Không chỉ là nhà tài trợ lớn nhất, Nhật Bản còn coi trọng phối hợp với các nhà tài trợ khác

Từ 1995 đến nay, Nhật Bản luôn là nhà tài trợ ODA lớn nhất trong các nhà tài trợ song phương cho Việt Nam. Tính từ năm 1992 đến năm 2011, tổng vốn viện trợ ODA của Nhật Bản cho Việt Nam trong giai đoạn năm TK 1992 - 2011 lên đến hơn 2 nghìn tỷ Yên (Hợp tác kỹ thuật thực hiện theo số vốn giải ngân, Hỗ trợ kinh phí thực hiện theo số vốn cam kết), chiếm 30% trong tổng vốn viện trợ mà các nhà tài trợ quốc tế dành cho Việt Nam. Trên tinh thần tôn trọng sự tự lực của Việt Nam, 78% trên tổng số vốn ODA được Nhật Bản cung cấp dưới hình thức Vốn vay ODA. Đến nay, Nhật Bản đã cùng các nhà tài trợ khác triển khai phân ngành để tiến hành hỗ trợ một cách hiệu quả.

(Nguồn: Thống kê của OECD - DAC)

Biểu đồ 2: Vốn ODA phân theo nhà tài trợ (Giai đoạn 1992 – 2011)



(3) Hỗ trợ cả hai phương diện phần cứng và phần mềm

Hỗ trợ cải thiện môi trường xung quanh các KCN đi cùng với phát triển CSHT kinh tế có quy mô lớn, mang lại hiệu quả to lớn trong thúc đẩy đầu tư nước ngoài. Không chỉ hỗ trợ về phần cứng, Nhật Bản còn giúp Việt Nam tạo ra một môi trường khuyến khích đầu tư nước ngoài với dự án về hoạch định chiến lược phát triển kinh tế thị trường, hoàn thiện cơ chế chính sách.

Trong lĩnh vực an sinh xã hội, Nhật Bản cũng chú trọng hỗ trợ trên cả hai phương diện xây dựng CSHT và đào tạo nguồn nhân lực với các dự án ở 3 bệnh viện tuyến Trung ương: BV Chợ Rẫy, BV Bạch Mai, BV Trung ương Huế; nâng cao năng lực phòng chống các bệnh truyền nhiễm như sởi, cúm gia cầm; bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long, v.v...

(4) Quyết tâm mạnh mẽ của Việt Nam trong sự nghiệp phát triển đất nước

Việt Nam có sự quan tâm đặc biệt đối với Nhật Bản, một quốc gia sau chiến tranh thế giới lần thứ hai đã không chỉ hồi phục mà còn trở thành cường quốc kinh tế của thế giới. Với tinh thần học tập Nhật Bản, Việt Nam đã tích cực sử dụng nguồn vốn ODA và áp dụng công nghệ của Nhật Bản vào các ngành.

Người Việt Nam vốn có khả năng tiếp thu cao nên việc chuyển giao công nghệ trong các dự án đạt hiệu quả cao. Nhờ có những phẩm chất tốt đẹp như ý thức trách nhiệm với sự nghiệp phát triển đất nước, trân trọng sử dụng trang thiết bị, đức tính kiên trì vượt khó và những nỗ lực của người dân Việt Nam mà nguồn vốn ODA của Nhật Bản đã được sử dụng hiệu quả, thiết thực góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

(5) Chia sẻ định hướng phát triển trên quy mô toàn quốc, xây dựng mạng lưới kết nối giữa các khu vực

Ngay sau khi nối lại viện trợ ODA cho Việt Nam, đáp ứng nhu cầu kết nối hai miền Bắc-Nam của chính phủ Việt Nam, Nhật Bản đã hỗ trợ cho việc khôi phục tuyến đường sắt Bắc-Nam.

Việc phát triển CSHT kinh tế cho miền Bắc được thực hiện trước tiên; sau đó, từ cuối những năm 1990, Nhật Bản đã tăng cường hỗ trợ phát triển cho TP.HCM ở miền Nam, TP. Đà Nẵng, TP. Huế ở miền Trung, v.v... Công tác hỗ trợ xóa đói giảm nghèo ở khu vực trung du miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên cũng được triển khai.

Ứng hộ đường lối “Phát triển KTXH trên phạm vi toàn quốc” của chính phủ Việt Nam, Nhật Bản đã và đang hỗ trợ xây dựng mạng lưới kết nối các khu vực trọng điểm.

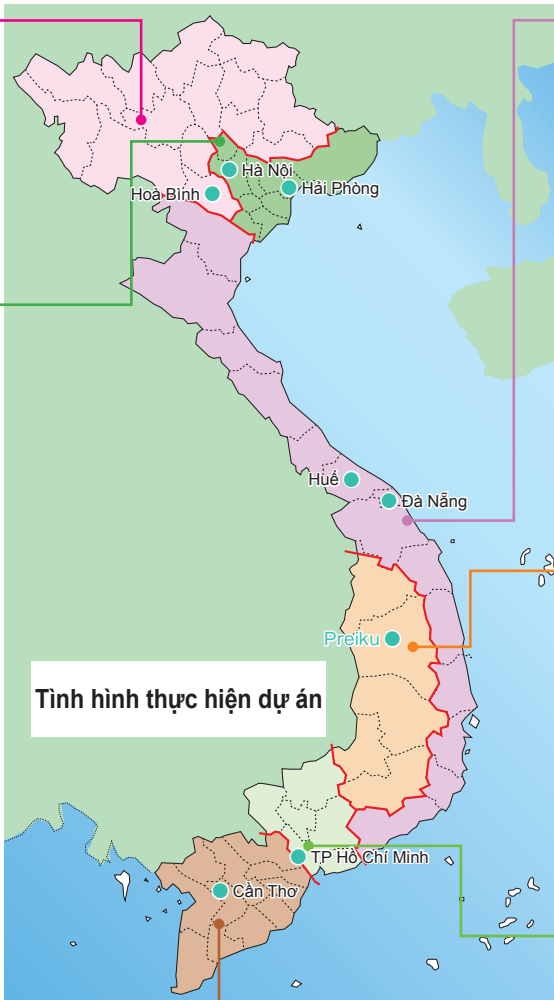
Hợp tác kỹ thuật → (H) Nghiên cứu phát triển → (N) Vốn vay → (V) Viện trợ không hoàn lại → (K)

Vùng núi phía Bắc

- Tăng cường Dịch vụ Y tế tỉnh Hoà Bình (H)
- Nâng cấp cơ sở các trường tiểu học tại khu vực miền núi phía Bắc (K)
- Tăng cường chức năng hợp tác xã nông nghiệp (H)
- Quản lý rừng bền vững tại vùng đầu nguồn Tây Bắc (H)

Đồng bằng sông Hồng

- Xây dựng CSHT Khu công nghiệp cao Hoà Lạc (V)
- TT Hợp tác nguồn nhân lực VN-NB (Hà Nội) (H)
- Dự án nhà máy nhiệt điện Phả Lại (V)
- Cải thiện môi trường nước (V)
- Dự án cải tạo quốc lộ số 5 (V)
- Dự án cải tạo quốc lộ số 18 (V)
- Xây dựng cầu Nhật Tân (Cầu hữu nghị Việt Nhật) (V)
- Cải tạo cảng Hải Phòng (V)
- Dự án xây dựng cảng Cái Lân (V)
- Xây dựng Công trình cảng Lạch Huyện (V)
- Xây dựng nhà ga T2 tại Sân bay Nội Bài QT (V)
- Phát triển nguồn năng lực ATGT tại Hà Nội (H)
- Chương trình Phát triển Đô thị Tổng thể thủ đô Hà Nội (HAIDEP) (N)
- 1. Dự án Nâng cấp Bệnh viện Bạch Mai 2. Dự án Tăng cường năng lực Bệnh viện Bạch Mai 3. Dự án Tăng cường năng lực đào tạo cho tuyến dưới của Bệnh viện Bạch Mai (K) (H)
- Hỗ trợ và Phát triển Đào tạo Đại học và Sau đại học về CNTT và Truyền Thông (H)
- Phát triển Nguồn nhân lực Kỹ thuật tại Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội (H)
- Bảo vệ Môi trường Vĩnh Hạ Long (H)
- Xây dựng cầu Bãi Cháy (V)



Đồng bằng sông Cửu Long

- Dự án nhà máy nhiệt điện Cần Thơ (V)
- Dự án nhà máy nhiệt điện Ô Môn (V)
- Xây dựng cầu Cửu Long (Cần Thơ) (V)
- Xây dựng khoa nông nghiệp Đại học Cần Thơ (K)
- Nâng cao năng lực cho cộng đồng bị thiệt hại bởi cháy rừng (Cà Mau) (K) (H)

Vùng Duyên hải Miền Trung

- Nhà máy thủy điện Đa Nhim (V)
- Cải thiện Môi trường nước TP Huế (V)
- Xây dựng cầu giao thông nông thôn các tỉnh khu vực miền Trung (V)
- Nâng cấp cảng Đà Nẵng (V)
- Nghiên cứu Chiến lược Phát triển Liên kết TP Đà Nẵng và Vùng Phụ cận (N)
- Dự án Nâng cấp Bệnh viện Trung ương Huế (K)
- Các Dự án Chăm sóc sức khỏe sinh sản tại tỉnh Nghệ An (H)
- Trồng rừng trên đất cát vùng duyên hải Nam Trung Bộ (K)

Vùng Tây Nguyên

- Phát triển nguồn nước ngầm nông thôn ở khu vực Tây Nguyên (K)
- Nâng cao Năng lực PTNT có sự tham gia nhằm xoá nghèo ở Khu vực Tây Nguyên (H)
- Dự án hỗ trợ dân làng quản lý rừng bền vững ở Tây Nguyên (H)

Vùng Đông Nam

- TT Hợp tác nguồn nhân lực VN-NB (TP HCM) (H)
- Dự án nhà máy nhiệt điện Phỷ Mỹ (V)
- Dự án Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi (V)
- Dự án thủy điện Đại Ninh (V)
- Cải thiện Môi trường nước TP HCM (V)
- Xây dựng Đại lộ Đông-Tây Sài Gòn (V)
- Xây dựng tuyến đường sắt nội đô TP HCM (V)
- Dự án xây dựng cảng quốc tế Cái Mép - Thị Vải (V)
- Dự án xây dựng nhà ga hành khách quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất (V)
- Quy hoạch tổng thể và nghiên cứu khả thi về GTVT đô thị khu vực TP HCM (N)
- Dự án Bệnh viện Chợ Rẫy (K) (H)
- Thủy lợi Phan Rí-Phan Thiết (V)

Toàn quốc

- Hợp tác kỹ thuật trong lĩnh vực Pháp luật và Tư pháp (H)
- Cải cách hệ thống pháp luật và tư pháp (H)
- Dự án Hiện đại hóa và Quốc tế hóa Hải quan (H)
- Nghiên cứu về chính sách phát triển kinh tế trong giai đoạn chuyển sang nền kinh tế theo định hướng thị trường (N)
- Dự án tăng cường năng lực Ngân hàng Nhà nước (H)
- Nghiên cứu tổng quan năng lượng quốc gia (N)
- Nghiên cứu tổng thể về Phát triển bền vững Hệ thống Giao thông Vận tải (N)
- Phổ biến Sổ Theo dõi Sức khoẻ bà mẹ và trẻ em (H)
- Tăng cường năng lực sản xuất vắc xin kết hợp Sởi Rubella (K) (H)
- Nâng cao năng lực đảm bảo an toàn sinh học và xét nghiệm tác nhân gây bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho mạng lưới phòng xét nghiệm (K)
- Tăng cường năng lực cho Viện vệ sinh dịch tễ TW về kiểm soát các bệnh dịch lây nhiễm mới tại VN (H)
- Nâng cấp cơ sở các trường tiểu học (K)
- Thiết lập Đường dây nóng về Phòng chống buôn bán người (H)

Dự án liên thông miền Bắc và Nam

- Dự án cải tạo cầu đường sắt Hà Nội - TP HCM (V)
- Xây dựng Đường cao tốc Bắc-Nam (V)
- Cải tạo cầu trên Quốc lộ 1 (V)

Sự
đóng góp



Những đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam

Sau khi trải qua nhiều cuộc chiến tranh, Việt Nam thực thi chính sách Đổi mới, đặt mục tiêu phát triển kinh tế. Song, vào năm 1992, khi viện trợ ODA của Nhật Bản được nối lại, nền kinh tế KHH tập trung bộc lộ nhiều yếu kém, cuộc sống của người dân rất thiếu thốn. Hệ thống CSHT như đường bộ, đường sắt, các nhà máy điện và mạng lưới tải điện, hệ thống cấp thoát nước, v.v... vẫn ở trong tình trạng xuống cấp hoặc bị phá hủy do chiến tranh. Vì vậy, năm 1990, Việt Nam nằm trong danh sách những

nước nghèo nhất thế giới. Tuy nhiên sau đó, nhờ tăng trưởng kinh tế, thu nhập quốc dân đã tăng lên gấp đôi vào năm 2000, và đến năm 2009, Việt Nam bước vào nhóm các nước thu nhập trung bình (Biểu đồ 2).

Kinh tế Việt Nam phát triển vượt bậc được như vậy là nhờ ý chí quyết tâm và sự nỗ lực bền bỉ của chính phủ và nhân dân Việt Nam, bên cạnh đó là nhờ có nguồn vốn đầu tư của khối tư nhân và nguồn viện trợ của các nhà tài trợ quốc tế. Sự hỗ trợ liên tục trong suốt 20 năm

qua của Nhật Bản – một trong những nhà tài trợ chính, và đối tác hữu nghị trong châu Á - chắc chắn đã đóng góp không nhỏ cho nền kinh tế của Việt Nam.

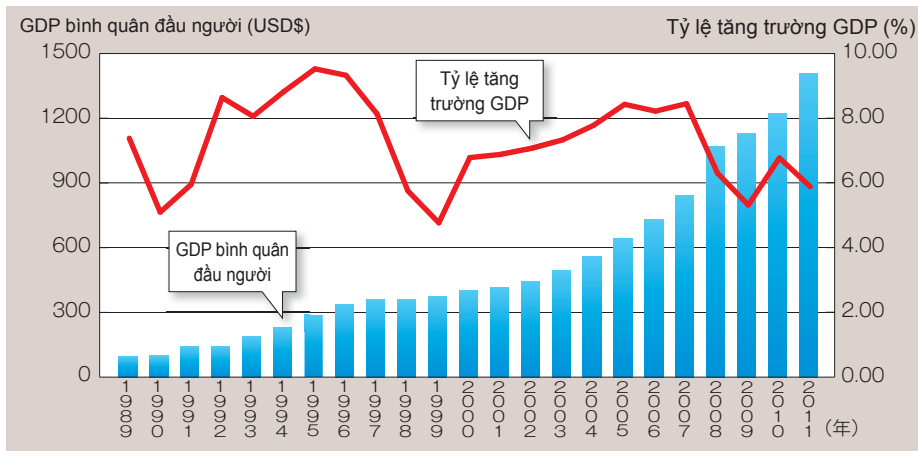
(1) Mở rộng đầu tư từ Nhật Bản

Ngoại trừ thời gian chịu tác động của Cuộc khủng hoảng tiền tệ Châu Á năm 1998, và sự phá sản của Ngân hàng đầu tư Lehman Brothers năm 2008, kể từ năm 1993, số dự án đầu tư của Nhật Bản vào Việt Nam có chiều hướng tăng lên (Biểu đồ 3). Với tổng vốn đầu tư vào Việt Nam tính đến năm 2012 là 28,7 tỷ USD, Nhật Bản là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất của Việt Nam (theo Tổng cục Thống kê Việt Nam).

Để giúp Việt Nam xúc tiến đầu tư nước ngoài, Nhật Bản đã nhanh chóng triển khai hỗ trợ Việt Nam xây dựng nhà máy điện, đường xá, cầu, cảng biển, v.v...; đồng thời hỗ trợ hoàn thiện hệ thống pháp luật, hệ thống kiểm tra, chứng nhận sản phẩm công nghiệp,... để có thể đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về môi trường đầu tư. Việc các bộ luật cơ bản như Luật Dân sự sửa đổi, Luật Tố tụng Dân sự được thông qua là những thành tựu to lớn. Bên cạnh đó, Nhật Bản cũng phát huy “Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản”, là diễn đàn đối thoại giữa chính phủ và khối tư nhân, để hỗ trợ Việt Nam về phần cứng và phần mềm.

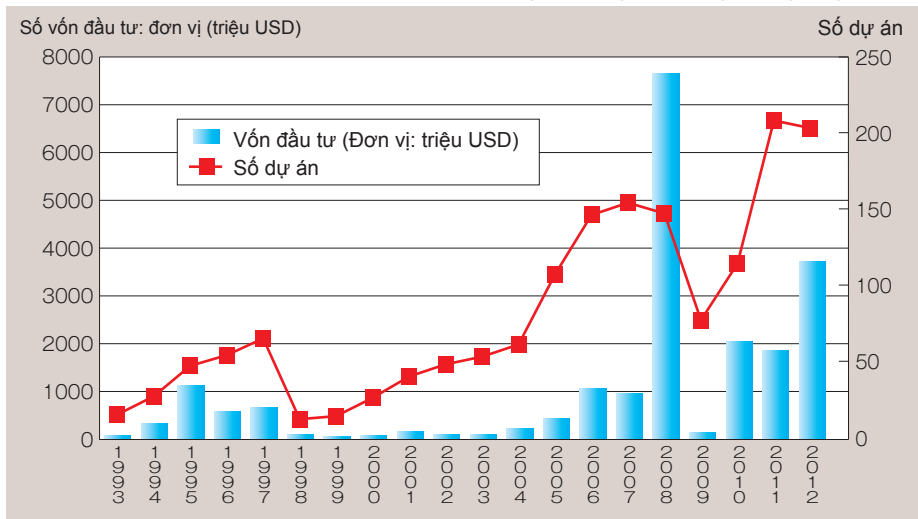
Điểm đặc biệt ở đây là tuy sự hỗ trợ được thực hiện theo kinh nghiệm của Nhật Bản, nhưng không phải là sự vận dụng cứng nhắc theo khuôn mẫu Nhật Bản mà là dựa trên sự trao đổi, thảo luận giữa Việt Nam và Nhật Bản để tìm ra cơ chế và đường lối phù hợp với Việt Nam.

Phương thức hợp tác dựa trên sự



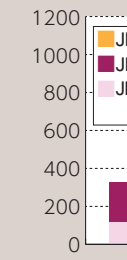
Chú thích: Năm 2008, lượng vốn đầu tư tăng vọt là do có dự án đầu tư quy mô lớn vào Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn.

Biểu đồ 2: Sự thay đổi của tỷ lệ tăng trưởng GDP và GDP bình quân đầu người (Nguồn: Trang chủ của Ngân hàng thế giới, 2013)



Biểu đồ 3: Số vốn và số dự án đầu tư trực tiếp của Nhật Bản vào Việt Nam (Nguồn: Biểu đồ do JETRO lập theo dữ liệu của MPI)

Đơn vị: Doanh n



tăng cường s
nhau giữa h
mang lại kết
phù hợp với

Sự hỗ trợ
đã góp phần
doanh nghiệp

(2) Tạo cơ hội đổi mới

Bên cạnh
các công trìn
thông, khi V
Thăng Long,
môi trường
thống cấp th
tiến đầu tư c

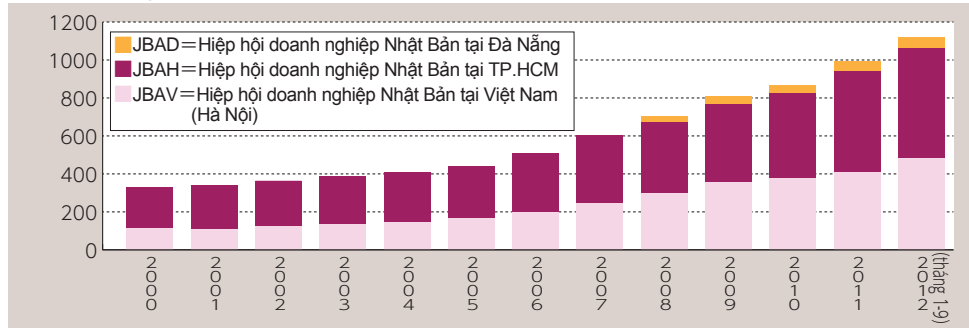
Noi theo thà
Long, rất nhi
và cải tạo m
nguồn vốn đ
và Hàn Quốc

tư từ khối tư
2000, số doa
doanh nghiệp
khoảng 300
quý tháng 9/
lên tới 1.120



Dự án JICA “N
lượng sản phẩm

Đơn vị: Doanh nghiệp



Số doanh nghiệp gia nhập Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam

Chú thích: “Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam” bao gồm thành viên là các doanh nghiệp có trụ sở ở miền Bắc Việt Nam, trong đó có Hà Nội và Hải Phòng

tăng cường sự hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau giữa hai nước của Nhật Bản đã mang lại kết quả là tìm ra những cơ chế phù hợp với xã hội Việt Nam.

Sự hỗ trợ theo chiến lược tổng hợp đã góp phần xúc tiến đầu tư của các doanh nghiệp Nhật Bản.

(2) Tạo cơ hội việc làm và Xóa đói giảm nghèo

Bên cạnh việc nâng cấp, xây dựng các công trình điện lực, mạng lưới giao thông, khi Việt Nam xây dựng KCN Thăng Long, Nhật Bản đã hỗ trợ cải tạo môi trường xung quanh KCN như hệ thống cấp thoát nước, tạo hiệu quả xúc tiến đầu tư của doanh nghiệp Nhật Bản. Noi theo thành công của KCN Thăng Long, rất nhiều KCN đã được xây dựng và cải tạo môi trường xung quanh bằng nguồn vốn đầu tư tư nhân của Nhật Bản và Hàn Quốc, tạo điều kiện thúc đẩy đầu tư từ khối tư nhân và tạo việc làm. Năm 2000, số doanh nghiệp gia nhập Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam là khoảng 300 doanh nghiệp, nhưng trong quý tháng 9/2012, con số này đã tăng lên tới 1.120 doanh nghiệp. Một điều tra do NH Hợp tác quốc tế Nhật Bản (thời kỳ đó) thực hiện vào năm 2007 cho thấy

việc cải thiện CSHT giao thông của miền Bắc đã không chỉ thúc đẩy việc xây dựng các KCN và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, mà còn tạo ra cơ hội kinh doanh mới ở các khu vực lân cận. Hơn nữa, việc này cũng tạo ra thị trường và kênh tiêu thụ mới cho các sản phẩm nông nghiệp của địa phương, nâng cao thu nhập của người dân địa phương và góp phần xóa đói giảm nghèo.

Năm 1993, tỷ lệ đói nghèo của Việt Nam là 58,15%, nhưng đến năm 2010, tỷ lệ này đã giảm mạnh xuống còn 14,2%.

(3) Mối quan hệ tin cậy và hữu nghị giữa Việt Nam và Nhật Bản

Người dân Việt Nam nhìn nhận như thế nào về những đóng góp thông qua viện trợ ODA của Nhật Bản?

Năm 2013, JICA đã thực hiện "Nghiên cứu tác động của ODA Nhật Bản cho Việt Nam" bằng cách gửi phiếu câu hỏi qua Internet đến đối tượng là sinh viên các trường đại học ở các thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, HCM.

Đối với câu hỏi “Viện trợ ODA của Nhật Bản có đóng góp cho sự phát triển của Việt Nam không?”, 83 người (16,8%) trong tổng số 493 người tham gia điều tra trả lời “Đóng góp rất lớn”, 333 người

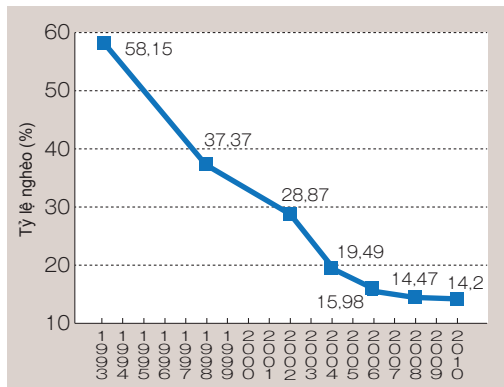
(67,6%) trả lời “Đóng góp lớn”. Trong hỗ trợ theo ngành, giáo dục là lĩnh vực mà sự hỗ trợ của ODA Nhật Bản được các sinh viên đánh giá cao nhất, tiếp đó là GTVT, phát triển đô thị, y tế. Đối với câu hỏi “Viện trợ ODA của Nhật Bản có đóng góp vào tăng cường quan hệ hữu nghị giữa hai nước không?”, 274 người (55,8%) trong tổng số 491 người trả lời chọn “Đóng góp rất lớn”, 179 người (46,5%) chọn “Đóng góp lớn”.

Một quan chức cấp cao của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cho biết “Người Việt Nam rất tin tưởng vào trình độ kỹ thuật của Nhật Bản. Họ biết rằng những công trình do Nhật Bản hỗ trợ xây dựng có độ bền cao và dễ sử dụng. Dự án CSHT nào do Nhật Bản viện trợ người dân đều biết.”

Tình hữu nghị được dày công vun đắp từ trước tới nay đã khơi nguồn cho sự hỗ trợ tình nghĩa của Việt Nam dành cho Nhật Bản khi xảy ra thảm họa động đất sóng thần tại miền Đông Nhật Bản. Mong rằng mối quan hệ này sẽ ngày càng thêm gắn bó và phát triển.



Dự án JICA “Nâng cao năng lực quản lý ngành Trồng trọt nhằm cải thiện sản lượng và chất lượng sản phẩm cây trồng”



Biểu đồ 5: Sự thay đổi của tỷ lệ nghèo (Nguồn: “Phân tích tình trạng nghèo ở Việt Nam”, 2011, IFAD)



Phát triển hạ tầng điện lực và sử dụng hiệu quả năng lượng

Việc cung cấp điện ổn định rất quan trọng, không chỉ làm ổn định đời sống sinh hoạt của người dân mà còn góp phần phát triển nền công nghiệp trong nước và thúc đẩy đầu tư nước ngoài.

Vào những năm 60, sau khi hỗ trợ Việt Nam xây dựng nhà máy thủy điện Đa Nhim, Nhật Bản luôn dành sự ưu tiên đặc biệt cho phát triển năng lượng điện. Nhật Bản đã phát huy khả năng kỹ thuật của mình để hỗ trợ Việt Nam phát triển nguồn điện lực như xây dựng các nhà

máy điện, công trình truyền tải phân phối điện; và xây dựng mạng lưới trạm biến áp ở các KCN, v.v...

Từ năm 1992 đến năm 2011, số vốn mà Nhật Bản đã tài trợ cho ngành năng lượng (số cam kết) là 493,9 tỷ Yên, chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trên tổng nguồn vốn (23,8%), chỉ sau lĩnh vực giao thông.

Trong 10 năm cho đến năm 2010, lượng tiêu thụ điện năng của Việt Nam mỗi năm tăng trung bình khoảng 14%.

Năm 2009, tỷ lệ điện khí hóa toàn quốc lên đến 97,6%. Tính đến cuối năm 2011, công suất của các nhà máy điện đã và đang được xây dựng bằng nguồn vốn ODA Nhật Bản đạt 4.500 MW, tương đương 14% tổng công suất phát điện cả nước.

Nhật Bản hiện đang tiến hành một số dự án như dự án hoạch định QH tổng thể phát triển điện lực và tiết kiệm năng lượng, đào tạo nhân viên kỹ thuật điện, và phổ cập tiêu chuẩn kỹ thuật điện.

Ví dụ 1 về hợp tác trong lĩnh vực Năng lượng

Dự án Xây dựng Nhà máy thủy điện Đa Nhim (Năm TK 1959 – 1964)

Nhà máy thủy điện Đa Nhim được xây dựng tại tỉnh Lâm Đồng vào những năm 1960 với sự hỗ trợ của Nhật Bản. Với tổng công suất 160MW, đây là nhà máy điện quy mô lớn thời đó. Công trình được xây dựng vào thời kỳ Việt Nam đang có chiến tranh khiến các bên liên bày tỏ quan ngại về khả năng thi công nhà máy. Tuy vậy, với nỗ lực của Nhật Bản và quyết tâm của Việt Nam, công trình xây dựng nhà máy thủy điện đã được hoàn thành vào tháng 1/1964, sớm hơn một năm so với thời gian thi công dự kiến.

Hệ thống truyền tải điện đến Sài Gòn cũng đã được xây dựng, nhưng liền bị chiến tranh phá hủy chỉ ba tháng sau khi hoàn thành. Nhà máy được đại tu vào những năm 1990, và đến nay vẫn hoạt động tốt. Bên cạnh đó, Công trình thủy lợi Phan Rang sử dụng nguồn nước xả từ Nhà máy thủy điện Đa Nhim cũng mang lại nhiều lợi ích to lớn cho các vùng lân cận.



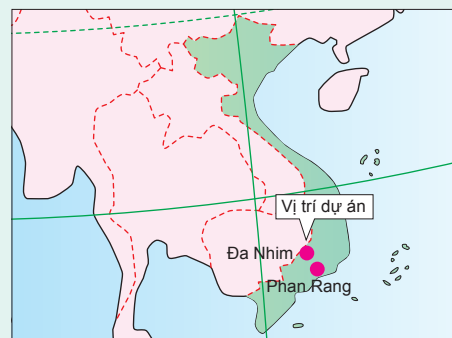
Lễ ký kết vào năm 1960.



Quang cảnh khoan đường hầm áp lực



Nhà máy thủy điện Đa Nhim hiện nay (Nguồn: Báo cáo đánh giá cuối kỳ của JICA)



Nhà máy thủy điện Đa Nhim (phía trước) và hệ thống thủy lợi Phan Rang

Những nhà máy điện đã được xây dựng bằng nguồn vốn ODA của Nhật Bản

| Tên | Năm bắt đầu dự án | Năm kết thúc dự án | Tổng công suất | Vùng đối tượng |
|-------------------------------------|-------------------|--------------------|----------------|------------------------------|
| Nhà máy Thủy điện Đa Nhim | 1961 | 1964 | 160MW | Vùng Đông Nam Bộ |
| Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ | 1994 | 2002 | 1.092MW | Vùng Đông Nam Bộ |
| Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại | 1995 | 2003 | 600MW | Vùng Đồng bằng sông Hồng |
| Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi | 1995 | 2001 | 475MW | Vùng Đông Nam Bộ |
| Nhà máy Thủy điện Đại Ninh | 1999 | 2008 | 300MW | Vùng Đông Nam Bộ |
| Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn | 2001 | 2009 | 300MW | Vùng Đồng bằng sông Cửu Long |
| Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình | 2009 | 2017(dự kiến) | 600MW | Vùng Đồng bằng sông Hồng |
| Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn | 2006 | 2016(dự kiến) | 600MW | Vùng duyên hải miền Trung |

Trang chủ của JICA

Ví dụ 2 về hợp tác trong lĩnh vực Năng lượng

**Dự án Mở rộng Nhà máy nhiệt điện Phả Lại (Giai đoạn 1 – 4)
(Năm TK 1993 – 2004)**

Ở Việt Nam, cùng với sự tăng trưởng kinh tế nhu cầu tiêu thụ điện năng cũng gia tăng. Trong vòng 10 năm kể từ 1985 đến 1995, lượng tiêu thụ điện trên toàn quốc đã tăng 2,9 lần, lượng tiêu thụ điện của miền Bắc tăng khoảng 2,3 lần.

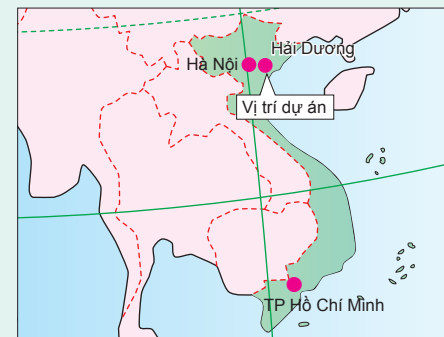
Ở miền Bắc thời đó, vào mùa khô, sản lượng điện của các nhà máy thủy điện giảm mạnh, khiến việc cung cấp điện vào mùa này phải dựa vào nhà máy nhiệt điện Phả Lại ở tỉnh Hải Dương gần Hà Nội.

Để đảm bảo cung cấp điện ổn định, một nhà máy nhiệt điện mới, hai trạm biến áp, hệ thống đường dây truyền tải

điện đã được xây dựng và lắp đặt ở bên cạnh nhà máy nhiệt điện Phả Lại 1, với tổng kinh phí 65,1 tỷ Yên.

Nhà máy điện mới này cung cấp khoảng 19% sản lượng điện cho miền Bắc, 7% sản lượng điện cho cả nước (năm 2006). Những dự án xây dựng nhà máy điện cùng loại thường lấy Nhà máy nhiệt điện Phả Lại làm mẫu tham khảo về thiết kế, kế hoạch xây dựng. Ước tính khoảng 6,47 triệu người được hưởng lợi từ công trình này.

Sau năm 2000, sự tăng trưởng nhanh chóng của thương mại và ngành công nghiệp chế tạo ở miền Bắc khiến



lượng điện tiêu thụ cũng tăng gấp đôi. Dự án mở rộng Nhà máy nhiệt điện Phả Lại đã và đang đóng góp to lớn vào việc đáp ứng nhu cầu điện năng này.



Nhà máy nhiệt điện Phả Lại



Phòng điều khiển



Trạm biến áp



Tăng cường mạng lưới giao thông vận tải

Nhật Bản đã hỗ trợ Bộ GTVT Việt Nam lập QH tổng thể phát triển GTVT toàn quốc nửa đầu những năm 90, việc khôi phục Quốc lộ số 1 được ưu tiên hàng đầu, trong đó Nhật Bản hỗ trợ khôi phục các cây cầu, NH Thế giới và NH Phát triển Châu Á hỗ trợ nâng cấp các con đường. Cùng với đó, một số dự án khác cải thiện lưu thông hàng hóa ở miền Bắc để thu hút đầu tư nước ngoài.

Nhật Bản đã hỗ trợ cải tạo cầu đường sắt trên tuyến đường sắt Thống nhất Bắc-Nam. “Đoàn tàu Hữu nghị Việt

– Nhật” là một trong những hoạt động chào mừng kỷ niệm 40 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản.

Nhật Bản cũng đã hỗ trợ tăng cường chức năng đô thị với các dự án XD đường vành đai 3 (Hà Nội), Đại lộ Đông-Tây (TP.HCM), đường sắt nội đô tại Hà Nội và TP.HCM,..., và nâng cấp các cửa ngõ QT với dự án cải tạo Cảng Hải Phòng, Sân bay QT Nội Bài,...; hiện đang hỗ trợ thực hiện thay thế cầu trên quốc lộ đi qua địa phương trên cả nước.

Bên cạnh đó, các dự án phát triển

nguồn nhân lực cũng được triển khai để cải thiện AT và chất lượng dịch vụ GT đô thị, đồng thời đáp ứng nhu cầu QT hoá của ngành. Hợp tác này cũng được thực hiện trên cả phần cứng và phần mềm.



Đoàn tàu Hữu nghị Nhật – Việt (Tuyến đường sắt Bắc – Nam)

Ví dụ 1 về hợp tác trong lĩnh vực Giao thông Vận tải

Dự án Phát triển CSHT GT để cải thiện lưu thông hàng hóa ở miền Bắc (Năm TK 1992 đến nay)

Một loạt các dự án phát triển hạ tầng GTVT nhằm cải thiện lưu thông hàng hóa ở miền Bắc đã được triển khai để hỗ trợ kịp thời chính phủ Việt Nam lúc này đang khẩn trương khôi phục kinh tế.

Những dự án này là những hỗ trợ mang tính chiến lược, thực hiện phát triển mạng lưới đường bộ kết nối giữa thủ đô Hà Nội và cảng Hải Phòng, cảng Cái Lân để thu hút đầu tư xây dựng KCN và hệ thống kho bãi tại khu vực dọc đường quốc lộ và phía sau cảng (Bản

đồ ở trang sau). Các dự án nâng cấp các tuyến đường huyết mạch như Quốc lộ số 5, Quốc lộ số 18; và phát triển cảng biển,...cũng đã được tập trung thực hiện.

Nhờ phát triển CSHT kinh tế như vậy, nên các KCN liên tục được xây dựng (vd: KCN Nomura Hải Phòng), môi trường đầu tư được cải thiện. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp nước ngoài trong đó có doanh nghiệp Nhật Bản đã đầu tư vào thị trường Việt Nam khiến cơ hội

việc làm được mở rộng.

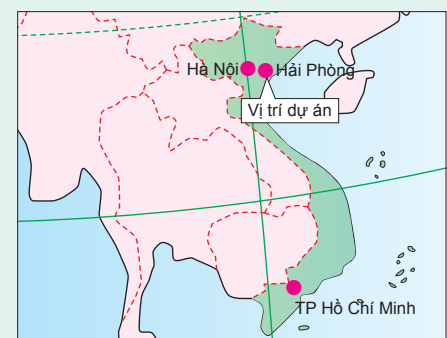
Mạng lưới đường bộ được cải thiện đã tạo điều kiện để việc vận chuyển khối lượng lớn nông sản từ nông thôn đến Hà Nội trở nên dễ dàng hơn và giảm bớt chi phí vận chuyển. Ngoài ra, việc xe buýt cũng đến được tận vùng nông thôn mang lại hiệu quả cải thiện sinh hoạt và nâng cao sinh kế của người dân trong vùng như giúp người dân đi đến cơ sở GD và y tế dễ dàng hơn, v.v...

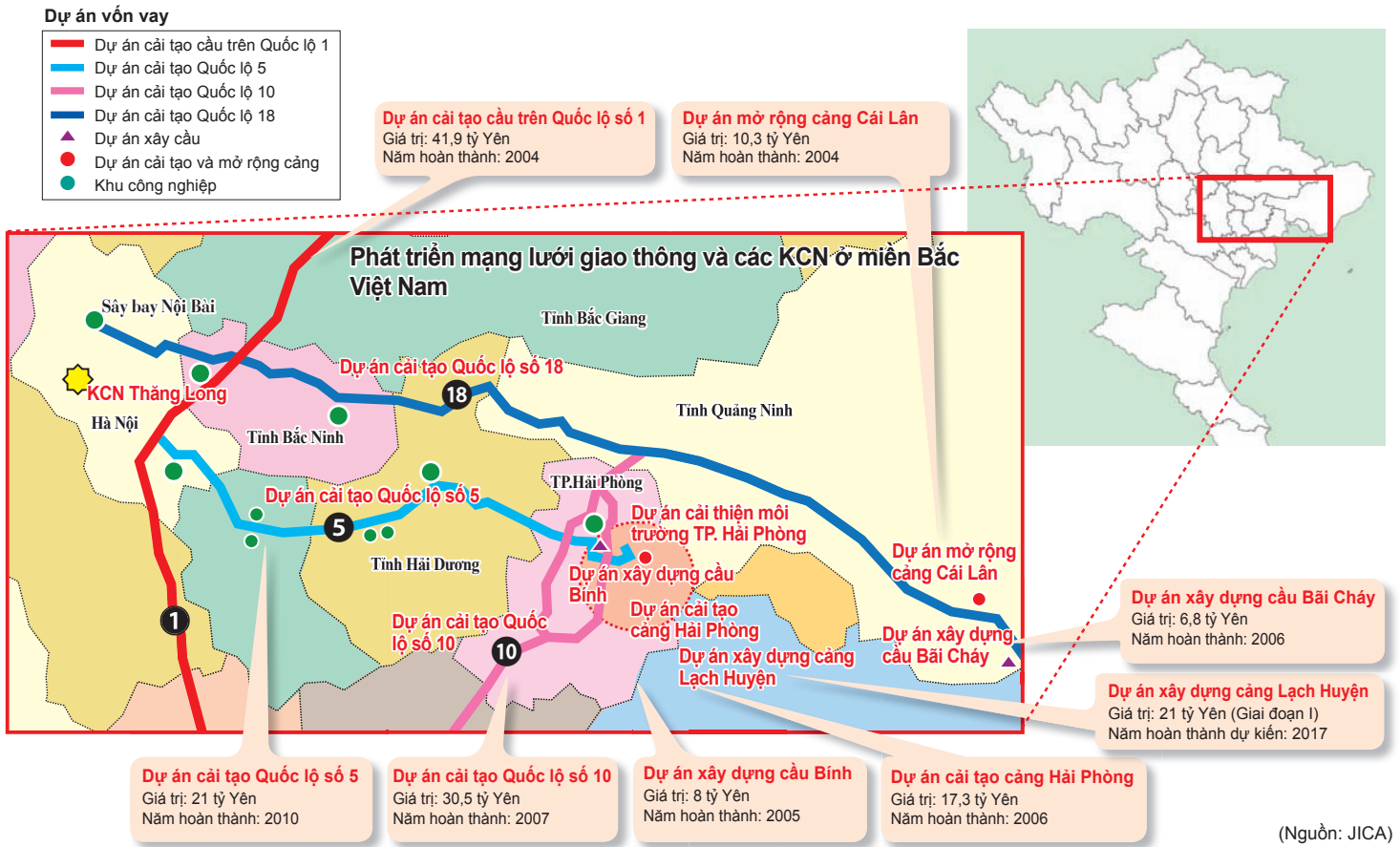


Quốc lộ số 5 trước khi được cải tạo



Quốc lộ số 5 hiện tại





Ví dụ 2 về hợp tác trong lĩnh vực Giao thông Vận tải

Dự án phát triển nguồn nhân lực an toàn giao thông Hà Nội (Năm TK 2006 – 2008) Dự án tăng cường năng lực đào tạo cảnh sát giao thông (Năm TK 2010 – 2013)

Cuộc sống của người Việt Nam đang ngày càng trở nên sung túc, nhưng bên cạnh đó số người tử vong vì TNGT cũng tăng cao.

Để cải thiện tình trạng này, Dự án phát triển nguồn nhân lực ATGT với mục tiêu nâng cao năng lực của công chức thành phố Hà Nội - những người đảm nhiệm việc xây dựng và thực hiện các giải pháp về GT – đã được triển khai. Dự án thí điểm đã được triển khai tại nút



Người cảnh sát đang điều khiển giao thông

GT phố Thái Hà, nơi mà nạn ùn tắc và TNGT xảy ra đặc biệt nghiêm trọng. Nội dung dự án bao gồm phát tài liệu tuyên truyền về ATGT đến người dân, tổ chức các khóa học, v.v...

Dự án Tăng cường năng lực đào tạo CSGT, với cơ quan thực hiện là Học viện CSND (Bộ Công an) và đối tượng là các CSGT, cũng đã được thực hiện với sự hợp tác của Cơ quan CS Nhật Bản.

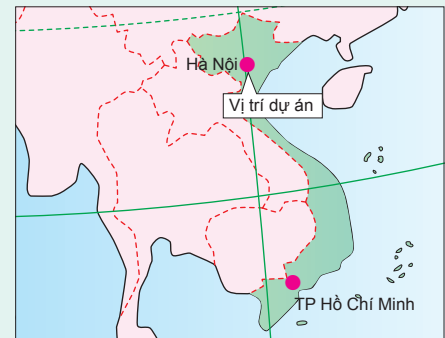
Dự án bao gồm các hoạt động nhằm



Tình trạng ô tô và xe máy đi lẫn lộn trên đường

nâng cao kỹ thuật quản lý GT và xây dựng các quy chế GT, cưỡng chế và xử lý vi phạm GT, thu thập và phân tích dữ liệu về TNGT,...

Dự án được kỳ vọng từ nay sẽ mang lại hiệu quả làm giảm ùn tắc và TNGT.





Hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường năng lực cho cơ quan hành chính, tài chính

Bên cạnh phát triển CSHT, việc hoàn thiện các bộ luật cơ bản, các pháp lệnh và tiêu chuẩn về kinh doanh, chính sách thuế, sở hữu trí tuệ,... là điều rất cần thiết để xúc tiến đầu tư nước ngoài.

Từ năm TK 1996, Nhật Bản bắt đầu triển khai dự án hợp tác kỹ thuật “Hỗ trợ hình thành các chính sách quan trọng của chính phủ về hệ thống luật”, và trong suốt 10 năm đã tiến hành giới thiệu hệ thống pháp luật và chế độ đào tạo nhân lực của Nhật Bản, tư vấn những nội dung liên quan đến sửa đổi Luật Dân sự. Với

sự hỗ trợ của Nhật Bản, Bộ luật Dân sự sửa đổi đã được ban hành vào năm 2005. Sau đó, Nhật Bản tiếp tục hỗ trợ cho việc hình thành và thực thi các bộ luật như Luật Tố tụng Dân sự,...

Cách tiếp cận của Nhật Bản ở đây là không áp đặt việc cải thiện cơ chế chính sách mà hỗ trợ Việt Nam trong quá trình tự cải cách, giúp Việt Nam lựa chọn, xây dựng, và áp dụng các luật/ chính sách mới một cách chủ động thông qua chia sẻ thông tin và đối thoại.

Trong nhiều năm qua, Bộ TW pháp,

Tòa án tối cao, Hiệp hội Luật sư Nhật Bản và trường đại học Nagoya, v.v... đã và đang hỗ trợ Việt Nam một cách có hệ thống.

Những hỗ trợ này khiến hai bên đối tác ngày càng tin cậy nhau hơn, tạo tiền đề cho việc triển khai hợp tác kỹ thuật với các cơ quan TW của Việt Nam về lập pháp, tư pháp và hành chính như Văn phòng Chính phủ, Quốc hội, Học viện Chính trị - Hành chính QG HCM trong đào tạo nguồn nhân lực.

Ví dụ 1 về hợp tác trong lĩnh vực Quản trị nhà nước

Dự án Hỗ trợ hình thành các chính sách quan trọng của chính phủ về hệ thống luật Giai đoạn 1,2,3 (Năm TK 1996 – 2006)

Trong lĩnh vực cải cách hệ thống pháp luật, việc hợp tác được tiến hành dựa trên những kinh nghiệm mà Nhật Bản đã đúc kết khi xây dựng hệ thống pháp luật của mình kể từ sau thời Minh Trị – một hệ thống pháp luật có vận dụng kinh nghiệm của các nước Âu Mỹ, và phù hợp với xã hội và văn hóa Nhật Bản.

Sự hợp tác được thực hiện theo phương thức sau: phía Nhật Bản cung cấp các thông tin liên quan đến hệ thống pháp luật của nước mình; bên cạnh đó, các chuyên gia luật pháp của Nhật sẽ đưa ra những góp ý mang tính chuyên môn và kỹ thuật đối với các dự thảo luật mà Việt Nam xây dựng.

Tính đến năm 2007, nhiều bộ luật quan trọng như Luật Dân sự sửa đổi, Luật Tố tụng dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Sản phẩm doanh nghiệp, v.v... đã được ban hành.

Đây là sự đóng góp to lớn vào việc xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải thiện môi trường đầu tư, thu hút đầu tư nước ngoài.



Những tài liệu hướng dẫn và giáo trình đã được biên soạn

Ví dụ 2 về hợp tác trong lĩnh vực Quản trị nhà nước

Dự án Nâng cao năng lực thực thi Chính sách và Luật Cạnh tranh (Năm TK 2008 – 2012)

Tại Việt Nam, với chính sách Đổi mới các quy chế đang dần được nới lỏng, nhưng các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước vẫn chưa thực sự quen với khái niệm “cạnh tranh”.

Vi vậy, hợp tác kỹ thuật nhằm tăng cường chức năng của Cục Quản lý Cạnh tranh (VCA) - cơ quan trực thuộc Bộ Công thương và tuyên truyền phổ biến kiến thức về Luật Cạnh tranh đã được triển khai.

Để tăng cường năng lực điều tra của VCA, bên cạnh việc hướng dẫn về nghiệp vụ hàng ngày, nhiều hoạt động như tổ chức tập huấn trong nội bộ, đào tạo nghiệp vụ điều tra, soạn thảo báo cáo điều tra thị trường, đào tạo tại Nhật Bản, v.v... đã được thực hiện.

Về hoạt động tuyên truyền pháp luật cạnh tranh, có thể kể đến các hội thảo phổ biến về pháp luật và chính sách cạnh tranh, các bản tin điện tử và ấn phẩm chuyên ngành của VCA, v.v...

Về hoạt động điều tra vụ việc cạnh tranh của VCA, nếu như trong năm 2006 không phát hiện được vụ việc nào, thì số vụ việc được phát hiện trong năm 2009 là 14 vụ việc, năm 2010 là 29 vụ việc, năm 2011 là 38 vụ việc, và năm 2012 là 45 vụ việc. Những con số này cho thấy năng lực điều tra của VCA đang dần được nâng cao.

Kinh tế



Phát triển nền kinh tế thị trường và mở rộng thu hút đầu tư nước ngoài

Bên cạnh việc hỗ trợ hoàn thiện hệ thống pháp luật và cải cách hành chính, Nhật Bản đã tiến hành dự án “Nghiên cứu chính sách phát triển kinh tế trong giai đoạn chuyển đổi sang nền kinh tế theo định hướng thị trường ở Việt Nam” với sự tham gia của các học giả hai nước. Đây cũng là cơ hội quý báu để hai bên tăng cường sự tin cậy lẫn nhau.

Song song với hỗ trợ thông qua nguồn vốn ODA, từ năm 2003, “Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản” đã và đang thực hiện dưới hình thức hợp

tác công – tư, bắt đầu được khởi động. Sáng kiến này tạo diễn đàn đối thoại về các vấn đề và giải pháp giữa ĐSQ Nhật Bản, JICA, JETRO, Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản với các Bộ, ngành liên quan phía Việt Nam, nhằm xúc tiến đầu tư của doanh nghiệp Nhật Bản vào Việt Nam.

Sáng kiến đó cùng những hỗ trợ về phần cứng như xây dựng đường xá, cảng, đê và đang góp phần thúc đẩy đầu tư của các doanh nghiệp Nhật Bản vào Việt Nam (Biểu đồ 3).

Để hỗ trợ chính sách CNH của Việt Nam, Nhật Bản triển khai cả các dự án về phần mềm như 1. Cải cách thể chế (Hiện đại hóa công tác quản trị sở hữu công nghiệp, v.v.), 2. Tăng cường cơ chế vận hành hệ thống tiêu chuẩn, 3. Tăng cường năng lực cho các tổ chức tài chính, tiền tệ của chính phủ như NH Nhà nước Việt Nam, 4. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, và ngành công nghiệp hỗ trợ, 5. Đào tạo nhân lực cho ngành công nghiệp.

Ví dụ 1 về hợp tác trong lĩnh vực Kinh tế, Kinh doanh

Dự án Nghiên cứu chính sách phát triển kinh tế trong giai đoạn chuyển đổi sang nền kinh tế theo định hướng thị trường ở Việt Nam (※) Giai đoạn 1,2,3 (Năm TK 1995 - 2000)

Chính phủ Việt Nam kỳ vọng việc học hỏi cách tiếp cận của Nhật Bản sẽ mang lại những đề xuất hữu ích cho Việt Nam vì Nhật Bản là quốc gia có nền kinh tế phát triển sớm nhất trong khu vực Châu Á.

Dự án Ishikawa đã được triển khai nhằm đưa ra các đề xuất cụ thể, mang tính chiến lược về tài chính, tiền tệ, chính sách công nghiệp, phát triển NN và NT, nhằm ứng phó với những vấn đề nảy sinh trong quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế.

Dự án này được thực hiện bởi nhóm nghiên cứu bao gồm khoảng 20 học giả kinh tế của Nhật Bản, và các chuyên gia cấp cao của chính phủ Việt Nam với số lượng tương đương.

Chủ đề nghiên cứu của dự án gồm có soạn thảo Kế hoạch Quốc gia, các vấn đề liên quan đến việc gia nhập các tổ chức QT như WTO, chính sách tài chính tiền tệ, cải cách DNNN.

Dự án Ishikawa đóng vai trò tiêu biểu cho sự hợp tác Việt – Nhật trong việc phát triển nền kinh tế thị trường, góp phần to lớn vào quá trình định hình đường lối phát triển kinh tế thị trường của chính phủ Việt Nam.



Hội đàm giữa ông Ishikawa và Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu

※ Tên thường gọi của dự án này là “Dự án Ishikawa”, được đặt theo tên của Giáo sư danh dự trường ĐH Hitotsubashi – Shigeru Ishikawa.

Ví dụ 2 về hợp tác trong lĩnh vực Kinh tế, Tinh doanh

Dự án Phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật trường ĐH Công nghiệp Hà Nội (Năm TK 2009 – 2012)

Từ năm 2000, Nhật Bản đã tiến hành hỗ trợ cho trường Cao đẳng Công nghiệp Hà Nội, là tiền thân của ĐH Công nghiệp Hà Nội. ĐH Công nghiệp Hà Nội đã hợp tác với các doanh nghiệp biên soạn tài liệu giảng dạy và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên. Trường hiện đang đào tạo thế hệ kỹ sư tương lai cho các ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ khí, Điện - Điện tử, ô tô,... Trong các sinh viên tốt nghiệp của trường có nhiều người hiện đang làm việc trong các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, bao gồm cả các doanh nghiệp Nhật Bản.

Nhà trường cũng khuyến khích sinh viên thực hiện 5S (Sàng lọc, Sắp xếp, Sạch sẽ, Sẵn sàng, Sẵn sàng), giáo dục cho sinh viên văn hóa làm việc trong doanh nghiệp.

Sau khi xảy ra thảm họa động đất sóng thần tại miền Đông Nhật Bản, toàn trường đã quyên tặng người dân Nhật Bản một trăm triệu đồng (tương đương 400 nghìn Yên), thể hiện tình cảm gắn bó sâu sắc giữa nhà trường và người dân Nhật Bản.



Giờ thực hành ở trường Đại học Công nghiệp Hà Nội



Cải thiện đời sống và sức khỏe của người dân

Chiến tranh kéo dài để lại cho Việt Nam hậu quả là các dịch vụ y tế không thực hiện được đầy đủ chức năng của nó. Để khắc phục tình trạng này, Nhật Bản đã triển khai hỗ trợ cả về phần cứng và phần mềm như cải thiện CSHT cho các BV trọng điểm, đào tạo nguồn nhân lực, tăng cường công tác quản lý,... Để giúp người dân có thể tiếp cận với dịch vụ y tế có chất lượng cao hơn, Nhật Bản đã tập trung hỗ trợ nâng cấp ba BV trọng điểm tại Hà Nội, TP.HCM và TP.Huế, đồng thời mở rộng hỗ trợ cả cho các BV

địa phương. Hơn 100.000 cán bộ y tế đã được đào tạo tại các BV trọng điểm này. Các chuyên gia Nhật Bản đã cùng làm việc với họ và tận tình chuyển giao kỹ thuật.

Từ năm 1997, dự án “Chăm sóc Sức khỏe sinh sản” đã được triển khai ở miền Trung để giúp phát triển dịch vụ y tế địa phương, và cải thiện sức khỏe bà mẹ trẻ em tại các khu vực nghèo. Dự án được thực hiện trong 10 năm với sự hợp tác của tổ chức phi chính phủ Nhật Bản JOICFP, đã góp phần tích cực vào việc

nâng cao sức khỏe của bà mẹ và trẻ em Việt Nam. Tiếp theo, từ năm 2011, dự án “Phổ biến Sổ theo dõi sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em” theo kinh nghiệm của Nhật Bản, được triển khai trên toàn quốc. Hiện nay, một dự án thí điểm đang được thực hiện ở khu vực miền núi phía Bắc để phục vụ cho việc triển khai trên toàn quốc. Mục tiêu của dự án là giảm tỷ lệ tử vong phụ nữ có thai và sản phụ, và giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thông qua việc sử dụng Sổ theo dõi sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em”.

Cùng với quá trình toàn cầu hóa, việc

Ví dụ 1 về hợp tác trong lĩnh vực Y tế

Dự án tại 3 BV trọng điểm: “Dự án BV Chợ Rẫy (Năm TK 1995-1998)”, “Dự án BV Bạch Mai (Năm TK 1999-2004)”, Dự án “Cải thiện dịch vụ y tế khu vực miền Trung (Năm TK 2005 – 2010)”

Những năm tháng chiến tranh đã tàn phá hệ thống y tế của Việt Nam. Năm 1974, Nhật Bản đã hỗ trợ xây dựng khu buồng bệnh mới tại BV Chợ Rẫy, TP. Hồ Chí Minh – một bệnh viện trọng điểm của miền Nam. Từ năm 1992, Nhật Bản tiếp tục hỗ trợ để tu bổ CSHT đã xuống cấp của BV và cung cấp trang thiết bị y tế, từ năm 1995 bắt đầu thực hiện hợp tác kỹ thuật.

Tương tự như vậy, ở miền Bắc, Nhật Bản cũng đã hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất và thiết bị y tế cho BV Bạch Mai (Hà Nội), và BV Trung ương Huế ở miền

Trung.

Đất nước Việt Nam có địa hình trải dài từ Bắc đến Nam. Để có thể triển khai hiệu quả các dịch vụ y tế trên cả nước, Nhật Bản nhận định các BV cấp TW kể trên có vị trí trọng điểm tại ba miền Bắc, Trung, Nam, và triển khai hỗ trợ xây dựng CSHT cũng như nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ y, bác sĩ của các BV này. Ngoài ra, các BV tuyến dưới (cấp tỉnh, cấp huyện) được hỗ trợ phần cứng và phần mềm để củng cố mạng lưới dịch vụ y tế trên toàn quốc.

Hiện nay, BV Chợ Rẫy đã trở thành

một bệnh viện lớn với 3.000 cán bộ y tế, 1.700 giường bệnh, ước tính mỗi năm số bệnh nhân nội trú là 100 nghìn người, và bệnh nhân ngoại trú lên tới 1 triệu người. Các BV trọng điểm còn lại cũng đang phát huy hiệu quả chức năng của mình.

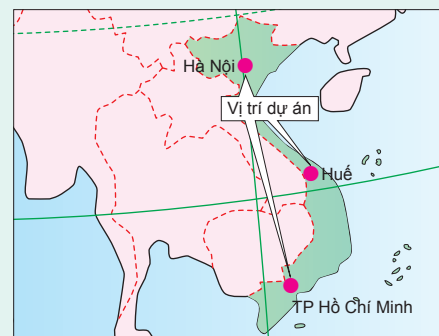
Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn những khu vực ở đó người dân khó tiếp cận với dịch vụ y tế. Làm thế nào để xóa bỏ sự chênh lệch này là một thách thức đối với chính phủ Việt Nam.



Khu buồng bệnh của bệnh viện Chợ Rẫy



Buổi tập huấn tại bệnh viện Bạch Mai



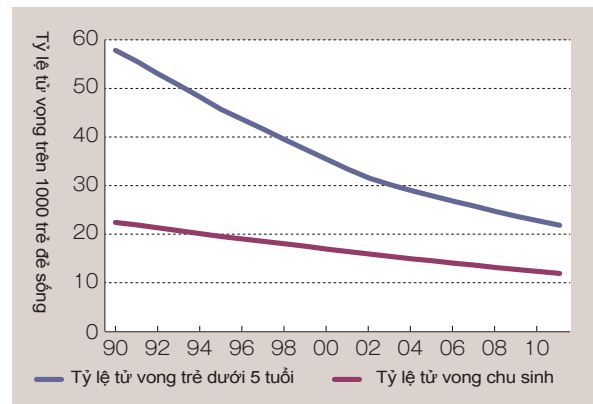
đối phó với các bệnh truyền nhiễm như cúm gia cầm là một thách thức không chỉ đối với Việt Nam mà với cả thế giới.

Từ năm 2003, Nhật Bản đã hỗ trợ Việt Nam xây dựng nhà máy sản xuất vắc xin sởi, sau đó là dự án chuyển giao công nghệ sản xuất vắc xin sởi vào năm 2006.

Để có thể tăng cường khả năng đối phó với mối đe dọa của dịch cúm gia cầm và dịch SARS, Nhật Bản cũng tiến hành hỗ trợ cho các cơ quan nghiên cứu.

Nhờ những nỗ lực của chính phủ Việt Nam, sự hỗ trợ của Nhật Bản và các nhà

tài trợ khác, tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi đã giảm từ 58,1 trên nghìn trẻ vào năm 1990 xuống còn 23,3 trên nghìn trẻ vào năm 2011, tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi và tỷ lệ tử vong ở phụ nữ có thai và sản phụ cũng được cải thiện đáng kể (Biểu đồ 6). Những con số này cho thấy đã có thêm nhiều sinh mạng được bảo vệ.



Biểu đồ 6: Tỷ lệ tử vong trẻ dưới 5 tuổi và chu sinh



Buổi tập huấn của chuyên gia Nhật Bản cho các nữ hộ sinh (nguồn: JOICFP)

Ví dụ 2 về hợp tác trong lĩnh vực Y tế

Dự án “nâng cao năng lực xét nghiệm cho Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương (Năm TK 2005 – 2010)”

Tháng 1/2008, Nhật Bản đã hỗ trợ Việt Nam xây dựng bốn Phòng xét nghiệm an toàn sinh học (ATSH) cấp độ 3 tại Viện Vệ sinh Dịch tễ TƯ để chẩn đoán bệnh cúm gia cầm và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác.

Trước đó, mỗi khi có trường hợp nhiễm bệnh nghi là do virus cúm gia cầm,...thì thường phải gửi mẫu bệnh phẩm ra nước ngoài để xét nghiệm

khẳng định.

Dự án này được thực hiện nhằm giúp Việt Nam đưa phòng xét nghiệm cấp độ 3 vào sử dụng và quản lý vận hành an toàn để có thể tiến hành xác định tác nhân gây bệnh trong thời gian sớm nhất.

Việc Việt Nam nhanh chóng kiểm soát lây lan dịch bệnh như dịch cúm gia cầm cũng có ý nghĩa quan trọng đối với Nhật Bản. Trong thực tế, Phòng xét

nghiệm đã phát huy ngay hiệu quả trong xét nghiệm khẳng định cúm A/H1N1 lưu hành ở Việt Nam vào năm 2009.

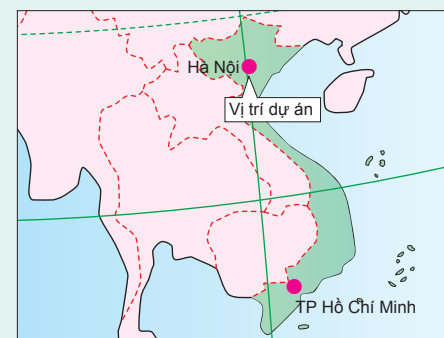
Phương tiện giao thông phát triển khiến thế giới trở nên nhỏ hẹp, vì vậy, kiểm soát sớm lây nhiễm là điều tối quan trọng. Phòng xét nghiệm ATSH cấp độ 3 ở Hà Nội được kỳ vọng sẽ có những đóng góp to lớn không chỉ cho Việt Nam mà cho cả sự an toàn của thế giới.



Các chuyên gia Nhật Bản đang trò chuyện với các nhà nghiên cứu Việt Nam ở trước cửa Phòng xét nghiệm ATSH cấp độ 3 của Việt Nam



Bên trong Phòng xét nghiệm ATSH cấp độ 3





Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo thông qua phát triển nông nghiệp và địa phương

Tại Việt Nam, tỷ trọng của ngành nông lâm nghiệp trong GDP là 13,4%, đứng thứ 3 sau ngành công nghiệp chế tạo và thương mại. Nguồn thu ngoại tệ từ nông sản, thủy sản, chăn nuôi là vô cùng to lớn, vì thế cần thiết phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm.

Vào năm 2010, khoảng 70% dân số Việt Nam sống ở nông thôn, tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn là 18,7%, ở mức cao so với tỷ lệ 3% ở khu vực đô thị (Biểu đồ 7).

Trước tình hình đó, Nhật Bản đã không ngừng hỗ trợ Việt Nam xóa đói giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người nông dân với một số dự án tiêu biểu như “Dự án Thủy lợi Phan Rang”, “Dự án phát triển CSHT quy mô nhỏ cho người nghèo” và “Dự án phát triển CSHT và cải thiện điều kiện sống ở nông thôn” – nhằm phát triển CSHT ở nông thôn; “Dự án Hợp tác kỹ thuật với Khoa Nông nghiệp trường ĐH Cần Thơ” – nhằm phát triển khoa học kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực,

Về thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng miền, có thể kể đến các dự án hợp tác kỹ thuật hỗ trợ các vùng dân tộc thiểu số, phát triển kinh tế địa phương với trọng tâm là khu vực miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên, và vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nam Bộ. Hợp tác kỹ thuật về tăng cường mối liên kết với địa phương để phát triển kinh tế địa phương trong đó trường đại học là hạt nhân, cũng đang được thực hiện.

Tại các vùng mà người dân tộc thiểu số là đối tượng của dự án, có nhiều sự

Ví dụ 1 về hợp tác trong Phát triển Nông nghiệp, Nông thôn

Dự án Thủy lợi Phan Rang (Năm TK 1963 – 1973)

Vùng biển duyên hải phía Đông Nam Việt Nam hầu như không có mưa vào mùa khô. Vì thế, để việc trồng lúa được ổn định và đạt năng suất cao, không thể thiếu hệ thống thủy lợi. Dự án xây dựng các công trình thủy lợi ở Phan Rang đã được triển khai từ 50 năm trước đây nhằm cung cấp nước tưới cho đồng bằng Phan Rang tỉnh Ninh Thuận, một trong những vùng có khí hậu vô cùng khắc nghiệt.

Hệ thống thủy lợi Phan Rang sử dụng nguồn nước xả từ nhà máy thủy điện Đa Nhim nên tiết kiệm được chi phí khai thác nguồn nước, và đạt hiệu quả sử dụng cao.

Vượt qua rất nhiều khó khăn do hoàn cảnh chiến tranh, năm 1967 việc xây dựng công trình thủy lợi này đã được hoàn thành. Trải qua nhiều lần cải tạo, tu bổ, đến nay công trình vẫn đảm bảo việc tưới tiêu cho đồng ruộng. Để

ghi nhớ và thể hiện lòng tri ân đối với những con người đã vượt qua bao nhiêu gian khó để xây dựng, bảo vệ công trình, và những lợi ích mà công trình thủy lợi này mang lại, người dân địa phương đã đặt tên cho hệ thống kênh mương này là “Kênh Nhật Bản”.

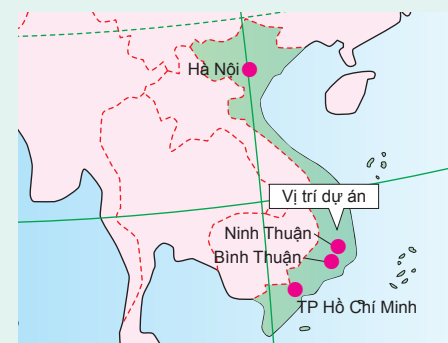
Hiện nay, tại tỉnh Bình Thuận, tiếp giáp với tỉnh Ninh Thuận, Dự án thủy lợi Phan Rí - Phan Thiết đang được triển khai theo chương trình vốn vay ODA.



Một phần của hệ thống kênh được xây dựng trong công trình thủy lợi Phan Rang. Trải qua 50 năm, đến nay kênh vẫn tiếp tục đưa nước đến với đồng ruộng

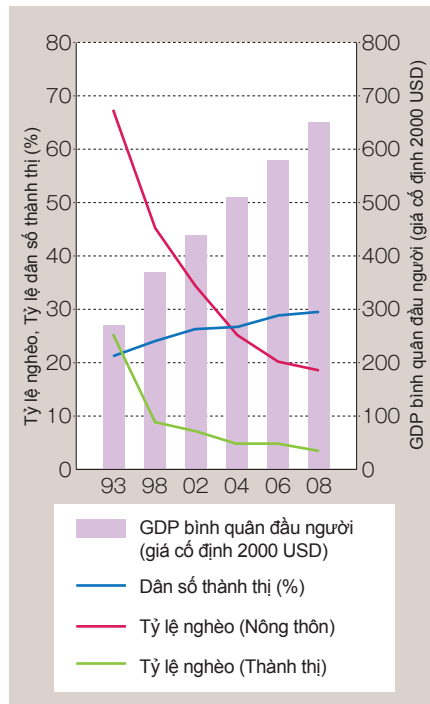
Công trình này cũng sử dụng nguồn nước xả từ nhà máy thủy điện Đa Nhim giống như công trình thủy lợi Phan Rang.

Chính phủ Việt Nam đánh giá cao thành quả của sự kết hợp nhà máy thủy điện Đa Nhim - thủy lợi Phan Rang, và đã quyết định phát huy những ưu điểm đó vào việc xây dựng nhà máy thủy điện Đa Nhim - thủy lợi Phan Rí Phan Thiết.



khác biệt trong mức sống, phong tục tập quán, cũng như nông sản và sản phẩm địa phương. Vì vậy, các dự án hỗ trợ được triển khai đã quan tâm đến đặc thù của từng khu vực, áp dụng phương thức tiếp cận khác với thông lệ - tiếp cận có sự tham gia của người dân; xác định vấn đề riêng của từng bản làng và giúp người dân tự mình triển khai các biện pháp để cải thiện đời sống, đáp ứng đúng nhu cầu của mình.

Biểu đồ 7: Sự thay đổi của GDP bình quân đầu người và tỷ lệ đói nghèo



Lớp học dành cho người nông dân tại các làng là đối tượng của “Dự án nâng cao năng lực phát triển nông nghiệp và nông thôn nhằm xóa đói giảm nghèo tại khu vực Tây Nguyên”



Buổi nói chuyện với những người nông dân là đối tượng của “Dự án phát triển nông thôn khu vực Tây Bắc”

Ví dụ 2 về hợp tác trong lĩnh vực Phát triển Nông nghiệp, Nông thôn

Dự án Nâng cao năng lực của ĐH Bách khoa TP.HCM để tăng cường liên kết Đại học và Cộng đồng - Giai đoạn 1, 2 (Năm TK 2005 – 2012)

Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá, hội nhập quốc tế, vì vậy việc xác định lại vai trò của các trường ĐH, và tăng cường chức năng giáo dục và nghiên cứu của các đơn vị này, là vô cùng cấp thiết.

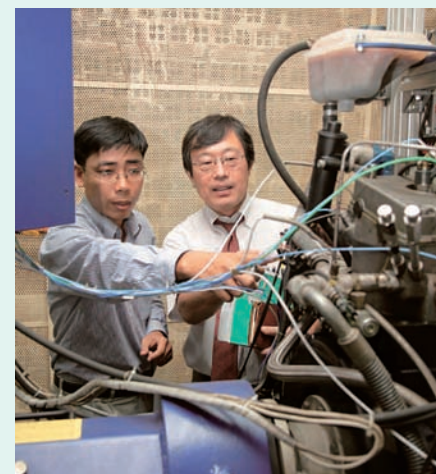
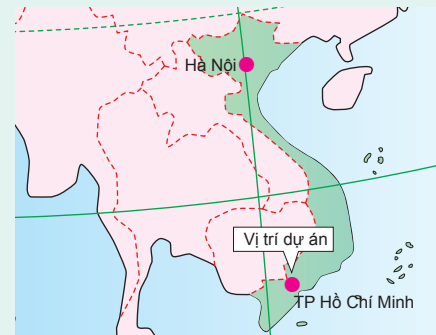
Trường ĐH Bách khoa TP. HCM - trung tâm nghiên cứu, giáo dục trọng điểm của khu vực miền Nam Việt Nam - đã cùng Nhóm Dự án phía Nhật Bản dẫn đầu là trường ĐH Khoa học Kỹ thuật Toyohashi (Giai đoạn 1) và trường ĐH Kumamoto (Giai đoạn 2), triển khai hợp tác với mục tiêu phát triển địa phương thông qua hoạt động liên kết đại học – cộng đồng.

Cũng trong khuôn khổ dự án, mỗi năm có 12 công trình nghiên cứu được thực hiện. Đối tượng nghiên cứu là 5 tỉnh đối tác ở miền Nam. Bản câu hỏi điều tra về nhu cầu được gửi đến các tỉnh này, và sau đó đề tài nghiên cứu được xác

định căn cứ trên phản hồi từ các tỉnh.

Ví dụ có thể kể đến là hợp tác của nhóm nghiên cứu Khoa Khoa học của trường với tỉnh An Giang để thực hiện “Nghiên cứu chiết xuất collagen từ da cá để ứng dụng trong các lĩnh vực thực phẩm, y tế, mỹ phẩm”, hợp tác với tỉnh Lâm Đồng trong dự án “Phát triển chất phụ gia để lọc bia sử dụng Diatomite”.

Doanh nghiệp trong nước cũng bày tỏ sự quan tâm đối với các dự án nghiên cứu mẫu này. Nếu có nhiều doanh nghiệp cùng tham gia nghiên cứu thì khả năng số công trình nghiên cứu của Việt Nam đạt tới tầm quốc tế cũng tăng lên. Hy vọng trong tương lai, việc hoàn thiện môi trường hỗ trợ công tác nghiên cứu phát triển độc lập tại Việt Nam, với trường ĐH Bách khoa TP.HCM làm trung tâm, sẽ góp phần thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các địa phương.



Ông Ishibashi và ông Huỳnh Thành Công tại phòng thí nghiệm trường ĐH Bách khoa TP.HCM



Bảo vệ môi trường tự nhiên và phát triển môi trường đô thị

Năm 1992 khi Nhật Bản nối lại viện trợ ODA, chính phủ Việt Nam phải tập trung vào việc phục hồi hệ thống CSHT bị phá hủy nặng nề trong chiến tranh, vì vậy chưa thể quan tâm đúng mức tới việc quản lý môi trường và xây dựng chính sách quản lý môi trường. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế quá nhanh đã khiến môi trường ngày càng ô nhiễm trầm trọng.

Nhật Bản đã triển khai hỗ trợ Việt Nam cải thiện môi trường đô thị một cách có hệ thống như cải thiện hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước thải đô thị và rác

thải tại Hà Nội và TP. HCM.

Năm 1998, dự báo môi trường của khu thắng cảnh vịnh Hạ Long có nguy cơ bị hủy hoại do sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, Nhật Bản đã hỗ trợ Việt Nam lập Kế hoạch quản lý môi trường kết hợp hài hòa với phát triển kinh tế ở khu vực vịnh Hạ Long.

Để giúp chính phủ Việt Nam nâng cao năng lực hành chính về quản lý môi trường, một số dự án như “Dự án nâng cao năng lực quản lý môi trường nước trên toàn quốc” được thực hiện.

Trong lĩnh vực biến đổi khí hậu, từ năm TK 2010, Nhật Bản kết hợp thực hiện chương trình vốn vay “Hỗ trợ Ứng phó với biến đổi khí hậu” và hợp tác kỹ thuật để chính phủ Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua đối thoại chính sách và tài trợ vốn.

Bên cạnh các hoạt động trên, các dự án như xử lý chất thải rắn, bảo vệ rừng, phòng chống thiên tai được triển khai. Sự hỗ trợ dựa trên kỹ thuật và kinh nghiệm của Nhật Bản được kỳ vọng sẽ tiếp tục mang lại nhiều kết quả.

Ví dụ 1 về hợp tác trong lĩnh vực Môi trường

Dự án Bảo vệ Môi trường vịnh Hạ Long (Năm TK 2009 – 2012)

Năm 1994 vịnh Hạ Long được công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới, hàng năm đón khoảng 1,5 triệu lượt du khách. Tuy nhiên, một vấn đề đáng quan ngại là nước thải từ các công trình du lịch, từ những mỏ than quy mô lớn ở xung quanh vịnh Hạ Long và từ thành phố Hạ Long khiến môi trường của vịnh Hạ Long bị ô nhiễm nhanh chóng.

Trong “Kế hoạch quản lý môi trường vịnh Hạ Long” được lập năm 1998, với mục tiêu dung hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường tự nhiên, kế hoạch tổng thể về các biện pháp bảo vệ môi trường từ phương diện phần mềm như cơ chế và các chính sách, đến phần cứng như xây dựng CSHT đã được đề ra.

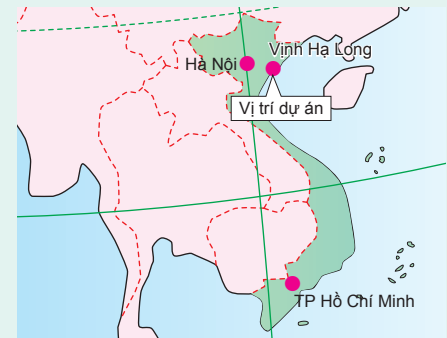
Kế hoạch đưa ra đã được 10 năm, việc cải thiện CSHT đã triển khai được một phần, song vẫn cần tiếp tục nâng cao năng lực quản lý môi trường nên dự án hợp tác kỹ thuật “Bảo vệ môi trường

Vịnh Hạ Long” đã được triển khai.

Trong dự án này, Nhật Bản đã hỗ trợ việc lập kế hoạch thực hiện quản lý môi trường, kiểm tra nguồn ô nhiễm và chỉ đạo hành chính. Cùng với đó, tổ chức tập huấn cho các cán bộ làm công tác môi trường, thực hiện công tác quản lý môi trường, v.v...theo nội dung kế hoạch trên. Công tác lập danh sách các nguồn gây ô nhiễm chính và bản đồ nguồn ô nhiễm, rà soát chính sách sử dụng đất, xây dựng hệ thống dữ liệu về môi trường và tài nguyên du lịch,...cũng được thực hiện.

Để có thể bảo vệ môi trường hiệu quả, cần nâng cao nhận thức đối với môi trường của người dân. Nhiều tài liệu giáo dục, tuyên truyền về môi trường được biên soạn, các hoạt động tuyên truyền và sự kiện hướng tới người dân và khách du lịch đã được triển khai.

Dự án cũng đã phối hợp nhiều



chương trình khác như dự án trong chương trình Đối tác phát triển, chương trình tình cử nguyện viên Nhật, v.v...để tiếp tục góp phần bảo vệ môi trường tại khu vực vịnh Hạ Long.



Quang cảnh Vịnh Hạ Long



Tình trạng ngập úng sau bão ở phố cổ Hà Nội



Công tác lấy mẫu và quan trắc chất lượng nước tại vịnh Hạ Long

Ví dụ 2 về hợp tác trong lĩnh vực Môi trường

Dự án Cải thiện môi trường nước Hà Nội - Giai đoạn 1 / Giai đoạn 2 (Năm TK 1995 – 2014 (dự kiến))

Ở Hà Nội, mỗi khi có mưa lớn là lại xảy ra úng ngập trầm trọng. Năm 1994, Nhật Bản đã hỗ trợ Việt Nam lập “Kế hoạch cải thiện hệ thống thoát nước và xử lý nước thải ở Hà Nội”, và từ năm 1995, tiến hành hỗ trợ thực hiện dự án phòng chống úng ngập quy mô lớn ở trung tâm thành phố Hà Nội. Nội dung của dự án này bao gồm xây dựng trạm bơm Yên Sở và 2 nhà máy xử lý nước thải mẫu, v.v...

Năm 2006, việc nâng công suất của trạm bơm Yên Sở, cải tạo và xây dựng mới ao hồ, v.v... đã được thực hiện. Liên quan đến dự án này tỉnh Chiba ở Nhật thực hiện một dự án từ năm 2008, hỗ trợ cho việc củng cố hệ thống quản lý vận hành, bảo dưỡng nhà máy xử lý nước thải v.v..

Vào thời điểm xảy ra trận mưa lớn lịch sử tại Hà Nội năm 2008, trạm bơm Yên Sở mới được triển khai ở giai đoạn

I của dự án, có công suất chỉ bằng một nửa hiện nay. Mặc dù vậy, nếu trước đây ở Hà Nội với lượng mưa như vậy phải mất 2 tháng nước mới thoát hết, thì sau khi trạm bơm được đưa vào vận hành, chỉ mất khoảng 5 ngày là nước thoát hết.

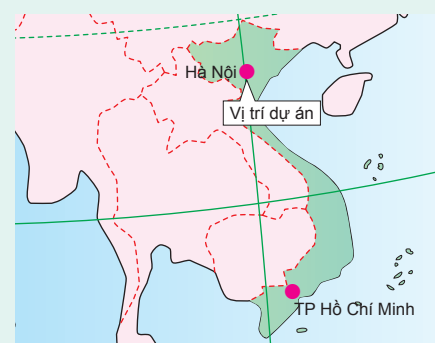
Kết quả đánh giá cuối kỳ dự án của JICA cho thấy 70% người dân Hà Nội công nhận dự án đã góp phần hạn chế thiệt hại do úng ngập gây ra. Thiệt hại về nhà cửa, xe cộ, nạn dịch bệnh do lụt lội đã giảm. Tình trạng ô nhiễm môi trường vì rác thải cũng được cải thiện.

Dự án Cải thiện môi trường nước Hà Nội đã thực sự mang lại thành quả, góp



Trạm bơm Yên Sở

phần hạn chế thiệt hại do úng ngập gây ra tại Hà Nội.



Sông Tô Lịch (Hà Nội) sau khi được cải tạo

Tình
nguyện
viên



Tình nguyện viên Nhật Bản - Cầu nối giữa nhân dân hai nước

Chương trình cử Tình nguyện viên Nhật Bản (TNVN) được triển khai từ năm 1995. Thời kỳ đầu chương trình chỉ giới hạn ở việc cử giáo viên dạy tiếng Nhật ở Hà Nội. Nhưng sự tận tụy trong công việc của các TNVN đã được đánh giá cao, khiến chương trình cử TNVN được mở rộng ra nhiều lĩnh vực. Tính đến tháng 7/2013, tổng số tình nguyện viên JOCV đã được cử là 345 người. Tổng số tình nguyện viên cao cấp (TNVCC) đã được cử là 129 người.

Ví dụ, về y tế, các TNVN và TNVCC

chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực điều dưỡng, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

Việc liên tiếp cử TNVN ngành kiến trúc đến Hội An đã góp phần bảo tồn khu phố cổ - Di sản thế giới này. TNVN ngành du lịch và giáo dục môi trường cũng hợp tác với dự án kỹ thuật của Chương trình Đối tác phát triển trong hoạt động nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển du lịch tại thành phố Hội An cũng như tại các khu vực khác.

Việc cử TNVNCC hỗ trợ phát triển

ngành công nghiệp phụ trợ, và các TNVN từ khối tư nhân, được mong đợi sẽ đóng góp nhiều hơn nữa cho sự phát triển của nền công nghiệp Việt Nam.

TNVN và TNVCC là những người thường xuyên tiếp xúc, giao lưu trực tiếp với người dân địa phương. Họ đã và vẫn tiếp tục hoạt động ở vị trí tiên phong, là cầu nối hai nước Nhật Bản và Việt Nam.

Ví dụ 1 về hoạt động của Tình nguyện viên

Bảo tồn phố cổ và phát triển du lịch Hội An (Năm TK 2003 đến nay)

Thành phố Hội An nổi tiếng với những con phố cổ giàu tính lịch sử, tuy nhiên, kinh tế phát triển đã dẫn đến tình trạng tháo dỡ và xây mới nhà. Vì vậy, chính phủ Việt Nam đã đề nghị chính phủ Nhật Bản hỗ trợ bảo tồn phố cổ Hội An.

Tiếp theo các hoạt động điều tra khảo cổ học và khảo sát phố phường được nhóm chuyên gia đến từ các trường Đại học của Nhật Bản thực hiện từ năm 1992, việc trùng tu đã được thực hiện với sự hỗ trợ kinh phí của các doanh nghiệp, v.v... Các dự án hợp tác kỹ thuật đã được triển khai.

Năm 1999, Hội An được công nhận là Di sản văn hóa thế giới.

Từ năm 2003 đến nay, nhiều TNVN và tổ chức NPO ở Nhật thuộc các ngành kiến trúc, giáo dục môi trường, du lịch, v.v... đã đến đây hoạt động.

Ngày nay, Hội An - một điển hình thành công về bảo tồn di sản sống - đang tích cực quảng bá hình ảnh và thông tin về mình ở trong nước và trên thế giới.



Phố cổ Hội An

Ví dụ 2 về hoạt động của Tình nguyện viên

Giảng dạy tiếng Nhật (Năm TK 1995 đến nay)

Tại Việt Nam, số lượng người học tiếng Nhật để vào làm việc tại doanh nghiệp Nhật Bản hay để được tăng lương ngày càng tăng.

Để đáp ứng nhu cầu học tiếng Nhật tại Việt Nam, kể từ năm 1995 đến nay, đã có 75 tình nguyện viên JOCV và tình nguyện viên cao cấp được cử đến Việt Nam giảng dạy tiếng Nhật. Nơi công tác chủ yếu của họ là ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Ngoại ngữ Hà Nội (nay là ĐH Hà Nội).

Tại ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội, tình nguyện viên cao cấp phụ trách giảng dạy cho lớp khoảng 30 sinh viên. Hàng năm, trường có khoảng 90 sinh viên theo học chuyên ngành tiếng Nhật, và khoảng 30 sinh viên theo học chuyên ngành Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật.

Khoảng 60% số sinh viên tốt nghiệp vào làm việc tại các doanh nghiệp Nhật, 10% làm công tác giảng dạy tiếng Nhật.



Giờ dạy tiếng Nhật của TNVCC tại ĐH Ngoại Ngữ-ĐH Quốc gia Hà Nội

Bà Nguyễn
Vụ trưởng
Tài chính

Trong 2
trong nhữn
lớn nhất ch
Bản đã có
tài chính Vi
quản lý tài
cấu trúc Đ
Các hỗ trợ
tư, thúc đẩy
Trong t
khai các c
chính mon
vững.

TS. Trần
Vụ trưởng
Y Tế

Nhật B
Việt Nam. C
y tế rất toàn
của phía Vi
đóng góp tí
nhân. Hy v
được củng

M



Đã 40
và Nhật B
triển chín
nổi lại. Ch
nhau như
Việt Nam
nỗ lực kh
hỗ trợ của
góp phần
thì đó sẽ là

Bà Nguyễn Thị Bích

Vụ trưởng Vụ hợp tác quốc tế, Bộ Tài chính



Trong 20 năm qua, Nhật Bản là một trong những nhà tài trợ song phương lớn nhất cho Việt Nam. Chính phủ Nhật Bản đã có các hỗ trợ rất lớn cho ngành tài chính Việt Nam để triển khai các nội dung cải cách trong lĩnh vực quản lý tài chính công, cải cách trong lĩnh vực thuế và hải quan, tái cấu trúc DNNN và nâng cao năng lực cho cán bộ ngành tài chính. Các hỗ trợ này góp phần tích cực vào việc cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy phát triển KTXH và chủ động hội nhập QT.

Trong thời gian tới, các khoản trợ giúp từ Nhật Bản nhằm triển khai các cải cách về quản lý tài chính công là rất cần thiết. Bộ Tài chính mong muốn quan hệ hợp tác giữa hai nước ngày càng bền vững.

Ông Nguyễn Hoàng

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao Thông Vận Tải



Cho đến nay chính phủ Nhật Bản đã hỗ trợ hoàn thành 18 dự án trong lĩnh vực GTVT đưa vào khai thác với tổng vốn là 2,34 tr USD. Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ đánh giá các hỗ trợ của Nhật Bản trong lĩnh vực GTVT đã đóng góp to lớn cho tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Để Việt Nam đạt mục tiêu cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, ngành GTVT sẽ tập trung triển khai các dự án trọng điểm ưu tiên cao, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, góp phần thực hiện các mục tiêu về hợp tác KTXH như Thủ tướng Chính phủ hai nước đã cam kết trong các chuyến thăm gần đây.

Thông điệp của các đại diện cơ quan liên quan ODA Nhật

TS. Trần Thị Giáng Hương

Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Y Tế



Nhật Bản là một trong những nhà tài trợ lớn nhất cho ngành Y tế Việt Nam. Các dự án ODA hỗ trợ của chính phủ Nhật Bản cho ngành y tế rất toàn diện và bền vững, đều dựa trên nhu cầu và các ưu tiên của phía Việt Nam nên đã phát huy được hiệu quả, mang lại những đóng góp tích cực cho công tác chăm sóc, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân. Hy vọng hợp tác trong lĩnh vực y tế với Nhật Bản sẽ tiếp tục được củng cố và tăng cường.

Ông, Motonobu Sato

Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam
Tổng Giám đốc Công ty Mitsui & Co. Vietnam Ltd.
Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Mitsui & Co., Ltd.



Tôi hết sức vui mừng được đón chào kỷ niệm “20 năm Nhật Bản nối lại viện trợ ODA cho Việt Nam”.

Hiệp hội của chúng tôi đã thành lập vào năm 1992 với 26 doanh nghiệp thành viên, hiện nay, số thành viên của Hiệp hội tại miền Bắc Việt Nam đã có 524 doanh nghiệp thành viên và trên toàn lãnh thổ Việt Nam có tổng cộng hơn 1.200 doanh nghiệp thành viên. Các chương trình viện trợ của chính phủ Nhật Bản đã tạo tiền đề để tăng cường đầu tư của các doanh nghiệp Nhật vào Việt Nam và hỗ trợ cho sự tăng trưởng của Việt Nam. Thời gian tới, chúng tôi sẽ tiếp tục nỗ lực để mối liên kết công – tư ngày càng gắn bó và góp phần vào sự phát triển của Nhật Bản và Việt Nam.

M E S S A G E



Cùng đồng hành từ quá khứ đến tương lai

Ông Mori Mutsuya

Trưởng Đại diện Văn phòng JICA Việt Nam



Đã 40 năm kể từ khi Quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Nhật Bản được thiết lập, và 20 năm kể từ khi Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Nhật Bản cho Việt Nam được nối lại. Cho đến nay, Việt Nam và Nhật Bản luôn hợp tác với nhau như hai người bạn thân thiết trong khu vực Châu Á. Việt Nam có được sự phát triển như ngày nay là nhờ những nỗ lực không ngừng của bản thân Việt Nam, song nếu sự hỗ trợ của Nhật Bản bao gồm cả viện trợ ODA đã có thể góp phần nào vào sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam thì đó sẽ là một niềm vui lớn lao.

Việt Nam đang phấn đấu tạo những bước đột phá mạnh mẽ hơn nữa để đạt mục tiêu trở thành nước công nghiệp vào năm 2020. Vì sự phát triển của Việt Nam cũng như của mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước, Nhật Bản và JICA, sẽ tiếp tục đồng hành, chia sẻ những khó khăn và niềm vui với người dân Việt Nam. Hướng đến năm 2030, tôi rất mong tiếp tục được thấy những phát triển mới của Việt Nam trong 20 năm tới.



Đường vành đai 3 thành phố Hà Nội



Nhà ga T2 tại Sân bay Nội Bài Quốc tế
(hình ảnh công trình sau khi hoàn thành)



Nhà máy nhiệt điện Ô Môn



Cầu Bãi Cháy



Hầm Hải Vân



Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA)

Phòng Đông Nam Á 3, Vụ Đông Nam Á và Thái Bình Dương

Nibancho Center Building 5-25, Niban-cho, Chiyoda-ku, Tokyo 102-8012, Japan

ĐT : (81-3) 5226-6660 /6661/6662/6663

Website: <http://www.jica.go.jp>

Văn phòng JICA Việt Nam

Tầng 16, Trung tâm Thương mại Daeha, 360 Kim Mã, Hà Nội, Việt Nam ĐT: (84-4) 38315005